

# TỔNG HỢP 30+ CHỦ ĐỀ IELTS SPEAKING

## Chủ đề 1: Hometown (Quê hương)

### **PART 1: Introduction & Interview** (*Giới thiệu và phỏng vấn*)

#### **1. Where is your hometown?** (*Quê bạn ở đâu?*)

Sample answer:

I come from a small coastal city in the central part of Vietnam, known for its scenic beaches and tranquil atmosphere. It's a place where traditional values still thrive despite growing urbanization. (*Tôi đến từ một thành phố ven biển nhỏ ở miền Trung Việt Nam, nổi tiếng với những bãi biển tuyệt đẹp và bầu không khí yên bình. Đây là nơi mà các giá trị truyền thống vẫn được gìn giữ dù quá trình đô thị hóa đang phát triển.*)

#### **2. What do you like most about your hometown?** (*Bạn thích điều gì nhất ở quê mình?*)

Sample answer:

What I appreciate most is the strong sense of community. People are warm and supportive, and everyone tends to know each other. It creates a safe and welcoming environment that I've always cherished. (*Điều tôi trân trọng nhất chính là tinh thần cộng đồng mạnh mẽ. Mọi người rất thân thiện và sẵn sàng giúp đỡ nhau, hầu như ai cũng biết nhau. Điều đó tạo nên một môi trường an toàn và gần gũi mà tôi luôn yêu quý.*)

#### **3. Has your hometown changed much in recent years?** (*Quê bạn có thay đổi nhiều trong những năm gần đây không?*)

Sample answer:

Yes, quite significantly. Over the past decade, my hometown has seen rapid infrastructure development, including new roads, schools, and shopping centers. While this has improved the quality of life, I sometimes miss the slower pace it used to have. (*Có, thay đổi rất đáng kể. Trong thập kỷ qua, quê tôi đã phát triển cơ sở hạ tầng nhanh chóng, bao gồm đường sá mới, trường học và các trung tâm mua sắm. Dù điều này nâng cao chất lượng cuộc sống, đôi khi tôi vẫn nhớ nhịp sống chậm rãi ngày xưa.*)

#### **4. Is your hometown a good place for young people to live?** (*Quê bạn có phải là nơi tốt để người trẻ sống không?*)

Sample answer:

It depends. While the peaceful environment is ideal for those who prefer a quiet life, there are limited career opportunities and entertainment options. So, many young people eventually move to bigger cities for better prospects. *(Còn tùy. Dù môi trường yên bình rất lý tưởng cho những ai thích cuộc sống nhẹ nhàng, cơ hội nghề nghiệp và giải trí lại khá hạn chế. Ví thế, nhiều người trẻ thường chuyển đến các thành phố lớn để có nhiều cơ hội hơn.)*

**5. Would you prefer to live in your hometown or move elsewhere in the future? (Bạn muốn sống ở quê hay chuyển đi nơi khác trong tương lai?)**

Sample answer:

Although I have fond memories of my hometown, I would prefer to live in a larger city where I can pursue my professional goals. However, I wouldn't mind returning for short visits or even retiring there someday. *(Dù tôi có nhiều kỷ niệm đẹp ở quê, tôi vẫn muốn sống ở một thành phố lớn hơn để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp. Tuy nhiên, tôi không ngại quay về thăm quê thường xuyên hoặc thậm chí là nghỉ hưu ở đó sau này.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe your hometown. You should say: *(Hãy miêu tả quê hương của bạn. Bạn nên nói về:)*

- Where it is *(Quê bạn ở đâu)*
- What it is known for *(Nó nổi tiếng vì điều gì)*
- What people can do there *(Mọi người có thể làm gì ở đó)*
- And explain how you feel about your hometown *(Và bạn cảm thấy thế nào về quê hương của mình)*

Sample answer:

My hometown is a small but vibrant city located along the coast of Central Vietnam. It's particularly well-known for its pristine beaches, seafood cuisine, and cultural festivals. The local economy primarily revolves around fishing and tourism, which gives the town a relaxed yet dynamic character.

Visitors can enjoy a wide range of activities such as sunbathing, exploring local markets, or participating in traditional celebrations. What makes my hometown truly special to me is its simplicity and the warmth of its people. Despite having lived in bigger cities, I always find comfort in returning home, where everything feels familiar and authentic.

*(Quê tôi là một thành phố nhỏ nhưng đầy sức sống nằm dọc theo bờ biển miền Trung Việt Nam. Nơi đây nổi tiếng với những bãi biển nguyên sơ, ẩm thực hải sản và các lễ hội văn hóa. Kinh tế địa phương chủ yếu dựa vào đánh bắt cá và du lịch, tạo nên một nét đặc trưng vừa yên bình vừa sôi động.*

*Du khách có thể tận hưởng nhiều hoạt động như tắm nắng, khám phá chợ địa phương hoặc tham gia các lễ hội truyền thống. Điều khiến tôi yêu quê mình chính là sự giản dị và sự ấm áp của con người nơi đây. Dù đã từng sống ở những thành phố lớn, tôi luôn cảm thấy dễ chịu khi quay về nơi thân thuộc này.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do people move away from their hometowns? (Vi sao nhiều người rời xa quê hương của họ?)**

Sample answer:

Most people leave their hometowns to seek better education and employment opportunities. Smaller towns may lack specialized training or industries, which drives young individuals to urban areas where career development is more feasible. *(Phần lớn mọi người rời quê để tìm kiếm cơ hội học tập và việc làm tốt hơn. Các thị trấn nhỏ thường thiếu các chương trình đào tạo chuyên sâu hoặc ngành nghề phát triển, khiến người trẻ phải chuyển lên thành phố để phát triển sự nghiệp.)*

**2. What are the advantages and disadvantages of living in a hometown? (Những lợi ích và bất lợi khi sống ở quê là gì?)**

Sample answer:

Living in one's hometown offers emotional comfort, a slower pace of life, and close-knit social ties. However, it may also mean limited access to healthcare, education, and professional growth. The decision often depends on individual lifestyle priorities. *(Sống ở quê mang lại sự thoải mái về tinh thần, nhịp sống chậm và mối quan hệ gắn bó. Tuy nhiên, cũng có thể gặp hạn chế về y tế, giáo dục và phát triển nghề nghiệp. Việc chọn nơi sống phụ thuộc vào ưu tiên của từng cá nhân.)*

**3. Should governments invest more in developing rural areas and hometowns? (Chính phủ có nên đầu tư nhiều hơn vào việc phát triển các vùng quê không?)**

Sample answer:

Absolutely. Investing in rural infrastructure and services can reduce urban migration and promote balanced regional development. It also ensures that people have access to quality education, healthcare, and job opportunities regardless of where they live. *(Chắc chắn là nên. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở nông thôn sẽ giúp giảm tình trạng di cư lên thành phố và thúc đẩy phát triển cân bằng giữa các vùng. Nó cũng đảm bảo mọi người đều được tiếp cận với giáo dục, y tế và cơ hội việc làm chất lượng, dù sống ở đâu.)*

## **Chủ đề 2: Education (Giáo dục)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. What subjects are you studying? (Bạn đang học những môn gì?)**

Sample answer:

I'm currently majoring in English Language Studies, so my courses include linguistics, academic writing, and applied teaching methodologies. These subjects not only enhance my language proficiency but also equip me with practical skills for my future career. *(Hiện tại tôi đang theo học ngành Ngôn ngữ Anh, nên các môn học của tôi bao gồm ngôn ngữ học, viết học thuật và các phương pháp giảng dạy ứng dụng. Những môn này không chỉ nâng cao khả năng ngôn ngữ của tôi mà còn trang bị cho tôi kỹ năng thực tế cho sự nghiệp sau này.)*

#### **2. Why did you choose that subject? (Tại sao bạn chọn ngành học đó?)**

Sample answer:

I chose this field because I have always been passionate about languages and cross-cultural communication. I believe that mastering English will open doors to global opportunities and allow me to make a meaningful impact in education. *(Tôi chọn ngành này vì tôi luôn đam mê ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa. Tôi tin rằng việc thành thạo tiếng Anh sẽ mở ra nhiều cơ hội toàn cầu và giúp tôi tạo ra những đóng góp ý nghĩa trong lĩnh vực giáo dục.)*

#### **3. Do you prefer studying alone or in a group? (Bạn thích học một mình hay học nhóm hơn?)**

Sample answer:

It depends on the task. For complex projects, I prefer group study because collaboration fosters diverse perspectives. However, for revision and self-reflection, studying alone helps me concentrate better. *(Còn tùy vào nhiệm vụ. Với những dự án phức tạp, tôi thích học nhóm vì sự hợp tác mang lại nhiều góc nhìn khác nhau. Tuy nhiên, khi ôn tập và tự đánh giá, học một mình giúp tôi tập trung hơn.)*

**4. What is the education system like in your country?** (Hệ thống giáo dục ở nước bạn như thế nào?)

Sample answer:

In Vietnam, the education system is quite structured, consisting of primary, secondary, and tertiary levels. While it emphasizes academic achievement and theoretical knowledge, there's a growing shift towards skill-based and student-centered learning. *(Tại Việt Nam, hệ thống giáo dục được tổ chức khá chặt chẽ, gồm các bậc tiểu học, trung học và đại học. Mặc dù chú trọng thành tích học tập và kiến thức lý thuyết, hiện nay đang có xu hướng chuyển sang học tập dựa trên kỹ năng và lấy người học làm trung tâm.)*

**5. Should education be free for everyone?** (Giáo dục có nên miễn phí cho tất cả mọi người không?)

Sample answer:

Ideally, yes. Free education ensures equal access regardless of socio-economic background. However, it requires substantial government funding and efficient management to maintain quality. *(Lý tưởng mà nói, thì NÊN. Giáo dục miễn phí đảm bảo mọi người đều có cơ hội học tập bất kể hoàn cảnh kinh tế. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi nguồn ngân sách lớn từ chính phủ và quản lý hiệu quả để duy trì chất lượng.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a subject you enjoyed studying in school. You should say: *(Hãy miêu tả một môn học mà bạn yêu thích khi còn đi học. Bạn nên nói về:)*

- What the subject was *(Môn học đó là gì)*
- Who taught it to you *(Ai đã dạy bạn)*
- What you learned from it *(Bạn đã học được gì từ môn đó)*
- And explain why you enjoyed it *(Và giải thích lý do tại sao bạn thích môn học đó)*

Sample answer:

One subject I truly enjoyed in high school was Literature. It was taught by an inspiring teacher who encouraged us to explore not only the content of each text but also the underlying cultural and historical context. Through studying classic novels and poetry, I developed critical thinking skills and learned to appreciate the power of language.

I enjoyed this subject because it allowed me to express my thoughts creatively and connect with different perspectives. It also helped me improve my writing skills, which later became essential in my academic and professional life.

*(Một môn học mà tôi thực sự yêu thích khi học trung học là môn Văn. Môn này được giảng dạy bởi một giáo viên truyền cảm hứng, người khuyến khích chúng tôi khám phá không chỉ nội dung văn bản mà còn cả bối cảnh văn hóa và lịch sử đằng sau đó. Thông qua việc học các tiểu thuyết và thơ ca kinh điển, tôi đã phát triển kỹ năng tư duy phản biện và biết trân trọng sức mạnh của ngôn từ.*

*Tôi yêu thích môn học này vì nó cho phép tôi bày tỏ suy nghĩ một cách sáng tạo và kết nối với nhiều góc nhìn khác nhau. Nó cũng giúp tôi cải thiện kỹ năng viết, vốn trở nên rất quan trọng cho học tập và công việc sau này.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How important is education in shaping a person's future? (Giáo dục quan trọng thế nào trong việc định hình tương lai của một người?)**

Sample answer:

Education plays a pivotal role in shaping an individual's career prospects, critical thinking skills, and social values. It not only equips people with knowledge but also fosters adaptability and problem-solving abilities essential for success in a rapidly changing world. *(Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc định hình cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng tư duy phản biện và giá trị xã hội của một người. Nó không chỉ cung cấp kiến thức mà còn rèn luyện khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề, những yếu tố thiết yếu để thành công trong một thế giới thay đổi nhanh chóng.)*

**2. Do you think practical skills should be given more importance in schools? (Bạn có nghĩ kỹ năng thực tiễn nên được chú trọng hơn trong trường học không?)**

Sample answer:

Absolutely. While academic knowledge is important, practical skills such as communication, teamwork, and financial literacy are equally vital. Integrating them into the curriculum can better prepare students for real-world challenges. *(Chắc chắn là nên. Mặc dù kiến thức học thuật quan trọng, các kỹ năng thực tiễn như giao tiếp, làm việc nhóm và hiểu biết tài chính cũng quan trọng không kém. Việc tích hợp chúng vào chương trình học sẽ giúp học sinh chuẩn bị tốt hơn cho những thách thức trong đời thực.)*

**3. How will education change in the future? (Giáo dục sẽ thay đổi thế nào trong tương lai?)**

Sample answer:

I believe education will become more personalized and technology-driven. With the advancement of artificial intelligence and online platforms, students will have more flexibility to learn at their own pace while still receiving tailored guidance from teachers. *(Tôi tin rằng giáo dục sẽ trở nên cá nhân hóa hơn và dựa nhiều vào công nghệ. Với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và các nền tảng trực tuyến, học sinh sẽ có nhiều sự linh hoạt hơn để học theo tốc độ của riêng mình, đồng thời vẫn nhận được sự hướng dẫn phù hợp từ giáo viên.)*

### **Chủ đề 3: Work (Công việc) / Study (Học tập)**

#### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What is your job? / What are you studying? (Công việc của bạn là gì? / Bạn đang học gì?)**

Sample answer:

I'm currently working as a university lecturer, specializing in English language teaching. My role involves designing lesson plans, delivering lectures, and assessing students' progress. It's both intellectually stimulating and personally rewarding.

*(Hiện tại tôi đang làm giảng viên đại học, chuyên về giảng dạy tiếng Anh. Công việc của tôi bao gồm thiết kế giáo án, giảng dạy và đánh giá tiến bộ của sinh viên. Đây là công việc vừa kích thích trí tuệ vừa mang lại nhiều niềm vui cá nhân.)*

**2. Why did you choose this kind of work / subject? (Tại sao bạn chọn công việc / ngành học này?)**

Sample answer:

I chose this profession because I have a passion for education and a strong belief in the transformative power of language learning. Teaching allows me to inspire students while continuously expanding my own knowledge. *(Tôi chọn nghề này vì tôi đam mê giáo dục và tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh thay đổi của việc học ngôn ngữ. Nghề giảng dạy cho phép tôi truyền cảm hứng cho sinh viên đồng thời liên tục mở rộng kiến thức của bản thân.)*

**3. What do you like / dislike about your job or studies? (Bạn thích / không thích điều gì ở công việc hoặc việc học của mình?)**

Sample answer:

I particularly enjoy interacting with students from diverse backgrounds, as it broadens my

perspective. However, the heavy workload and administrative tasks can sometimes be overwhelming. *(Tôi đặc biệt thích được giao tiếp với sinh viên đến từ nhiều nền tảng khác nhau vì điều đó mở rộng góc nhìn của tôi. Tuy nhiên, khối lượng công việc lớn và các nhiệm vụ hành chính đôi khi khá áp lực.)*

**4. Do you get on well with your colleagues / classmates?** *(Bạn có hòa hợp với đồng nghiệp / bạn học không?)*

Sample answer:

Yes, I do. We maintain a supportive and collaborative working environment, which makes problem-solving and project work much more efficient. *(Có chứ. Chúng tôi duy trì một môi trường làm việc hỗ trợ và hợp tác, điều này giúp việc giải quyết vấn đề và làm việc nhóm hiệu quả hơn nhiều.)*

**5. Is it easy to find a job in your country?** *(Có dễ tìm việc ở nước bạn không?)*

Sample answer:

It depends on the field. In-demand sectors like IT and education offer more opportunities, while other industries might be more competitive due to oversaturation in the job market. *(Còn tùy lĩnh vực. Những ngành đang được săn đón như công nghệ thông tin và giáo dục có nhiều cơ hội hơn, trong khi các ngành khác có thể cạnh tranh gay gắt do thị trường lao động bão hòa.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a job you would like to do in the future. You should say: *(Hãy miêu tả một công việc bạn muốn làm trong tương lai. Bạn nên nói về:)*

- What the job is *(Công việc đó là gì)*
- What skills or qualifications are required *(Kỹ năng hoặc bằng cấp cần có)*
- Why you would like to do it *(Tại sao bạn muốn làm công việc đó)*
- And explain how you would prepare for it *(Và giải thích bạn sẽ chuẩn bị như thế nào)*

Sample answer:

In the future, I would like to work as an educational consultant. This role involves advising schools and institutions on curriculum design, teacher training, and assessment strategies. It requires a deep understanding of pedagogy, excellent communication skills, and a solid academic background.

I'm drawn to this job because it combines my passion for education with my interest in research and innovation. To prepare, I plan to gain more practical experience in curriculum development and pursue further studies in educational leadership.

*(Trong tương lai, tôi muốn làm cố vấn giáo dục. Công việc này bao gồm tư vấn cho các trường và tổ chức về thiết kế chương trình học, đào tạo giáo viên và chiến lược đánh giá. Nó đòi hỏi sự hiểu biết sâu về sự phạm, kỹ năng giao tiếp xuất sắc và nền tảng học thuật vững chắc.*

*Tôi bị thu hút bởi công việc này vì nó kết hợp giữa đam mê giáo dục và hứng thú với nghiên cứu và đổi mới. Để chuẩn bị, tôi dự định tích lũy thêm kinh nghiệm thực tế trong phát triển chương trình học và tiếp tục học thêm về lãnh đạo giáo dục.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. What factors influence career choice?** *(Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc chọn nghề?)*

Sample answer:

Career choices are often shaped by personal interests, financial considerations, job market demand, and family expectations. Cultural values and access to educational resources also play a significant role. *(Việc chọn nghề thường bị chi phối bởi sở thích cá nhân, yếu tố tài chính, nhu cầu thị trường lao động và kỳ vọng từ gia đình. Giá trị văn hóa và khả năng tiếp cận nguồn lực giáo dục cũng đóng vai trò quan trọng.)*

**2. Do you think job satisfaction is more important than salary?** *(Bạn có nghĩ sự hài lòng trong công việc quan trọng hơn mức lương không?)*

Sample answer:

In the long run, yes. While salary is essential for meeting basic needs, job satisfaction contributes to mental well-being, motivation, and overall quality of life. A high-paying but unfulfilling job can lead to burnout. *(Về lâu dài thì có. Mặc dù lương rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu cơ bản, nhưng sự hài lòng trong công việc góp phần vào sức khỏe tinh thần, động lực và chất lượng cuộc sống. Một công việc lương cao nhưng không mang lại sự thỏa mãn có thể dẫn đến kiệt sức.)*

**3. How has the nature of work changed in recent years?** *(Bản chất của công việc đã thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?)*

Sample answer:

Work has become more technology-driven and flexible. Remote work, automation, and

digital communication tools have transformed traditional job structures, enabling greater efficiency but also blurring work-life boundaries. *(Công việc ngày nay ngày càng dựa nhiều vào công nghệ và linh hoạt hơn. Làm việc từ xa, tự động hóa và các công cụ giao tiếp số đã thay đổi cấu trúc công việc truyền thống, giúp tăng hiệu quả nhưng cũng làm mờ ranh giới giữa công việc và cuộc sống.)*

## **Chủ đề 4: Technology (Công nghệ)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. How often do you use technology?** *(Bạn sử dụng công nghệ thường xuyên như thế nào?)*

Sample answer:

I use technology on a daily basis, both for work and personal purposes. From preparing lectures and conducting research to staying connected with friends, technology has become an indispensable part of my routine. *(Tôi sử dụng công nghệ hàng ngày, cho cả công việc và mục đích cá nhân. Từ việc soạn bài giảng, nghiên cứu đến giữ liên lạc với bạn bè, công nghệ đã trở thành một phần không thể thiếu trong thói quen của tôi.)*

**2. What devices do you use the most?** *(Bạn sử dụng thiết bị nào nhiều nhất?)*

Sample answer:

My laptop is the device I rely on most, as it allows me to handle academic tasks efficiently. I also use my smartphone frequently for communication, scheduling, and quick access to information. *(Máy tính xách tay là thiết bị tôi sử dụng nhiều nhất vì nó giúp tôi xử lý công việc học thuật hiệu quả. Tôi cũng thường dùng điện thoại thông minh để liên lạc, sắp xếp lịch và tra cứu thông tin nhanh chóng.)*

**3. How has technology changed the way we communicate?** *(Công nghệ đã thay đổi cách chúng ta giao tiếp như thế nào?)*

Sample answer:

Technology has made communication faster, more convenient, and more accessible. With instant messaging, video calls, and social media, people can connect across time zones within seconds. *(Công nghệ đã khiến việc giao tiếp trở nên nhanh hơn, tiện lợi hơn và dễ tiếp cận hơn. Nhờ tin nhắn tức thì, cuộc gọi video và mạng xã hội, mọi người có thể kết nối xuyên múi giờ chỉ trong vài giây.)*

**4. Do you think people rely too much on technology nowadays?** *(Bạn có nghĩ con người ngày nay phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ không?)*

Sample answer:

Yes, to some extent. While technology enhances productivity, overreliance can reduce face-to-face interaction and make people less capable of solving problems without digital assistance. *(Có, ở một mức độ nào đó. Mặc dù công nghệ nâng cao năng suất, nhưng sự phụ thuộc quá mức có thể làm giảm tương tác trực tiếp và khiến con người kém khả năng giải quyết vấn đề nếu không có hỗ trợ kỹ thuật số.)*

**5. What are the disadvantages of using too much technology? (Nhược điểm của việc sử dụng công nghệ quá nhiều là gì?)**

Sample answer:

Excessive use of technology can lead to physical issues like eye strain and poor posture, as well as psychological effects such as reduced attention span and social isolation. *(Việc sử dụng công nghệ quá nhiều có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe như mỏi mắt, sai tư thế, cũng như tác động tâm lý như giảm khả năng tập trung và cô lập xã hội.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a piece of technology you find useful. You should say: *(Hãy miêu tả một thiết bị công nghệ mà bạn thấy hữu ích. Bạn nên nói về:)*

- What it is *(Đó là gì)*
- How you use it *(Bạn sử dụng nó như thế nào)*
- How it benefits you *(Nó mang lại lợi ích gì cho bạn)*
- And explain why you find it useful *(Và giải thích tại sao bạn thấy nó hữu ích)*

Sample answer:

One piece of technology I find incredibly useful is my tablet. I use it primarily for reading academic articles, taking notes during conferences, and delivering presentations. It's lightweight, portable, and offers a range of apps that enhance my productivity.

What I appreciate most is its ability to sync with cloud storage, meaning I can access my files anywhere without carrying piles of paper. This has not only made my work more efficient but also reduced my environmental footprint.

*(Một thiết bị công nghệ mà tôi thấy vô cùng hữu ích là máy tính bảng của tôi. Tôi chủ yếu dùng nó để đọc các bài báo học thuật, ghi chú khi tham dự hội thảo và thuyết trình. Nó nhẹ, dễ mang theo và có nhiều ứng dụng hỗ trợ nâng cao năng suất.)*

*Điều tôi đánh giá cao nhất là khả năng đồng bộ với bộ nhớ đám mây, giúp tôi truy cập tệp mọi lúc mà không cần mang theo nhiều giấy tờ. Điều này không chỉ giúp công việc hiệu quả hơn mà còn giảm tác động đến môi trường.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How does technology affect people's work-life balance?** *(Công nghệ ảnh hưởng thế nào đến cân bằng công việc - cuộc sống của mọi người?)*

Sample answer:

Technology offers flexibility by enabling remote work, but it can also blur the boundaries between personal and professional life. This constant connectivity often leads to overworking and burnout. *(Công nghệ mang lại sự linh hoạt nhờ khả năng làm việc từ xa, nhưng nó cũng có thể làm mờ ranh giới giữa cuộc sống cá nhân và công việc. Sự kết nối liên tục này thường dẫn đến làm việc quá sức và kiệt sức.)*

**2. Do you think technology will replace human workers in the future?** *(Bạn có nghĩ công nghệ sẽ thay thế người lao động trong tương lai không?)*

Sample answer:

In certain sectors, yes. Automation and artificial intelligence are already replacing repetitive tasks. However, jobs requiring creativity, emotional intelligence, and complex decision-making will still need human input. *(Ở một số lĩnh vực thì có. Tự động hóa và trí tuệ nhân tạo đã thay thế những công việc lặp đi lặp lại. Tuy nhiên, những công việc đòi hỏi sự sáng tạo, trí tuệ cảm xúc và khả năng ra quyết định phức tạp vẫn cần con người đảm nhiệm.)*

**3. How can governments ensure technology benefits everyone?** *(Chính phủ có thể làm gì để đảm bảo công nghệ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người?)*

Sample answer:

Governments should invest in digital infrastructure, provide affordable internet access, and offer training programs to improve digital literacy. This will ensure equal opportunities for people to benefit from technological advancements. *(Chính phủ nên đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật số, cung cấp quyền truy cập internet với giá hợp lý và tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao hiểu biết về công nghệ. Điều này sẽ đảm bảo mọi người đều có cơ hội hưởng lợi từ những tiến bộ công nghệ.)*

### **Chủ đề 5: Environment (Môi trường)**

**PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What environmental issues are you concerned about?** (*Bạn quan tâm đến những vấn đề môi trường nào?*)

Sample answer:

I'm particularly concerned about climate change, air pollution, and the loss of biodiversity. These issues have far-reaching consequences for both the planet and future generations. (*Tôi đặc biệt lo ngại về biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí và sự mất đa dạng sinh học. Những vấn đề này có tác động sâu rộng đến cả hành tinh và các thế hệ tương lai.*)

**2. What can individuals do to protect the environment?** (*Cá nhân có thể làm gì để bảo vệ môi trường?*)

Sample answer:

Individuals can adopt eco-friendly habits, such as reducing plastic use, recycling, conserving water, and using public transportation to lower carbon emissions. (*Mỗi người có thể thực hành lối sống thân thiện với môi trường, như giảm sử dụng nhựa, tái chế, tiết kiệm nước và sử dụng phương tiện công cộng để giảm khí thải carbon.*)

**3. Is recycling common in your country?** (*Việc tái chế có phổ biến ở nước bạn không?*)

Sample answer:

Recycling is becoming more common, especially in urban areas, but there's still a lack of nationwide infrastructure and public awareness to make it fully effective. (*Tái chế ngày càng phổ biến, đặc biệt ở các khu vực đô thị, nhưng vẫn thiếu cơ sở hạ tầng toàn quốc và nhận thức cộng đồng để hoạt động này thật sự hiệu quả.*)

**4. What role should the government play in protecting the environment?** (*Chính phủ nên đóng vai trò gì trong việc bảo vệ môi trường?*)

Sample answer:

The government should implement strict environmental regulations, promote renewable energy, and invest in education to raise awareness about sustainability. (*Chính phủ nên áp dụng các quy định môi trường nghiêm ngặt, thúc đẩy năng lượng tái tạo và đầu tư vào giáo dục để nâng cao nhận thức về phát triển bền vững.*)

**5. Have environmental problems in your area changed over time?** (*Các vấn đề môi trường ở khu vực bạn sống đã thay đổi theo thời gian chưa?*)

Sample answer:

Yes, air quality has worsened due to increased traffic and industrial activity, but there have also been improvements in waste management and green space development. (*Có, chất*

*lượng không khí đã xấu đi do gia tăng giao thông và hoạt động công nghiệp, nhưng cũng đã có cải thiện về quản lý rác thải và phát triển mảng xanh.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe an environmental problem in your country. You should say: *(Hãy mô tả một vấn đề môi trường ở nước bạn. Bạn nên nói về:)*

- What it is *(Đó là vấn đề gì)*
- What causes it *(Nguyên nhân gây ra)*
- How it affects people *(Nó ảnh hưởng thế nào đến con người)*
- And suggest possible solutions *(Và đề xuất giải pháp)*

Sample answer:

One of the most pressing environmental problems in my country is air pollution, particularly in major cities. The main causes include heavy traffic, industrial emissions, and the burning of fossil fuels.

This problem affects people's health, leading to respiratory illnesses and reduced quality of life. It also damages the environment by contributing to climate change.

Possible solutions include improving public transport systems, enforcing stricter emission controls, and encouraging the use of clean energy sources. Public awareness campaigns are equally important to change individual behavior.

*(Một trong những vấn đề môi trường cấp bách nhất ở nước tôi là ô nhiễm không khí, đặc biệt ở các thành phố lớn. Nguyên nhân chính gồm giao thông dày đặc, khí thải công nghiệp và việc đốt nhiên liệu hóa thạch.*

*Vấn đề này ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gây ra các bệnh về hô hấp và làm giảm chất lượng cuộc sống. Nó cũng gây hại cho môi trường bằng cách góp phần vào biến đổi khí hậu.*

*Các giải pháp khả thi bao gồm cải thiện hệ thống giao thông công cộng, áp dụng kiểm soát khí thải nghiêm ngặt và khuyến khích sử dụng năng lượng sạch. Các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng cũng quan trọng không kém để thay đổi hành vi cá nhân.)*

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How can technology help solve environmental problems? (Công nghệ có thể giúp giải quyết vấn đề môi trường như thế nào?)**

Sample answer:

Technology can provide innovative solutions, such as renewable energy systems, waste-to-energy plants, and smart monitoring tools to track pollution levels in real time. (Công nghệ có thể mang đến các giải pháp sáng tạo, như hệ thống năng lượng tái tạo, nhà máy biến rác thành năng lượng và công cụ giám sát thông minh để theo dõi mức độ ô nhiễm theo thời gian thực.)

**2. Should developing countries focus more on economic growth or environmental protection? (Các quốc gia đang phát triển nên tập trung vào tăng trưởng kinh tế hay bảo vệ môi trường nhiều hơn?)**

Sample answer:

Both are important and should go hand in hand. Sustainable development aims to balance economic growth with environmental preservation to ensure long-term prosperity. (Cả hai đều quan trọng và nên song hành cùng nhau. Phát triển bền vững hướng đến cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn môi trường để đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài.)

**3. Do you think environmental education should be compulsory? (Bạn có nghĩ giáo dục môi trường nên là môn bắt buộc không?)**

Sample answer:

Yes, because educating people from a young age about environmental responsibility can lead to more sustainable habits and better decision-making in the future. (Có, vì giáo dục con người từ nhỏ về trách nhiệm môi trường có thể tạo ra thói quen bền vững và khả năng đưa ra quyết định tốt hơn trong tương lai.)

## **Chủ đề 6: Travel – Du lịch**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you like traveling? (Bạn có thích đi du lịch không?)**

Sample answer:

Yes, I really enjoy traveling because it allows me to explore new cultures, taste different cuisines, and meet people from various backgrounds. I find it refreshing and inspiring. (Vâng, tôi rất thích đi du lịch vì nó cho phép tôi khám phá những nền văn hóa mới, thưởng

*thức các món ăn đa dạng và gặp gỡ những người đến từ nhiều hoàn cảnh khác nhau. Tôi thấy điều này rất mới mẻ và truyền cảm hứng.)*

**2. What places have you visited recently? (Gần đây bạn đã đi đâu?)**

Sample answer:

Recently, I visited Da Nang, a coastal city in central Vietnam. The beaches were stunning, and I especially enjoyed the fresh seafood and the peaceful atmosphere. *(Gần đây tôi đã đến Đà Nẵng, một thành phố ven biển ở miền Trung Việt Nam. Các bãi biển ở đó rất đẹp, và tôi đặc biệt thích hải sản tươi cũng như không khí yên bình.)*

**3. What's your favorite type of holiday? (Kỳ nghỉ yêu thích của bạn là gì?)**

Sample answer:

I prefer cultural holidays where I can learn about local traditions, visit historical sites, and experience authentic lifestyles rather than just relaxing on the beach. *(Tôi thích những kỳ nghỉ mang tính khám phá văn hóa, nơi tôi có thể tìm hiểu về truyền thống địa phương, thăm các di tích lịch sử và trải nghiệm lối sống bản địa hơn là chỉ thư giãn trên bãi biển.)*

**4. Do you prefer traveling alone or with others? (Bạn thích đi du lịch một mình hay với người khác?)**

Sample answer:

I enjoy traveling with friends because we can share expenses, take photos for each other, and create memorable experiences together. *(Tôi thích đi cùng bạn bè vì chúng tôi có thể chia sẻ chi phí, chụp ảnh cho nhau và cùng nhau tạo ra những kỷ niệm đáng nhớ.)*

**5. What are the advantages of traveling? (Lợi ích của việc đi du lịch là gì?)**

Sample answer:

Traveling broadens your horizons, helps you relax after stressful periods, and improves your adaptability by exposing you to new environments. *(Đi du lịch giúp mở rộng tầm nhìn, giúp bạn thư giãn sau những giai đoạn căng thẳng, và cải thiện khả năng thích nghi bằng cách tiếp xúc với những môi trường mới.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a place you have recently visited that you enjoyed. You should say: *(Miêu tả một địa điểm bạn đã ghé thăm gần đây và rất thích. Bạn nên nói:)*

- Where it is *(Nó ở đâu)*

- Why you went there (*Tại sao bạn đến đó*)
- What you did there (*Bạn đã làm gì ở đó*)
- And explain why you enjoyed it (*Và giải thích tại sao bạn thích nó*)

Sample answer:

One of the most memorable trips I had recently was to Hoi An, a charming ancient town in central Vietnam. I went there during the Lantern Festival with my close friends. We spent the days exploring the old streets, visiting temples, and tasting local specialties such as Cao Lau and White Rose dumplings. In the evenings, the town lit up with hundreds of colorful lanterns, creating a magical atmosphere. I enjoyed the trip because it was both relaxing and culturally enriching. The people were warm and welcoming, and I felt as though I had stepped back in time.

*(Một trong những chuyến đi đáng nhớ nhất gần đây của tôi là đến Hội An, một thị trấn cổ đầy sức hút ở miền Trung Việt Nam. Tôi đến đó vào dịp Lễ hội đèn lồng cùng những người bạn thân. Ban ngày, chúng tôi khám phá những con phố cổ, thăm các ngôi chùa và thưởng thức đặc sản địa phương như Cao Lầu và bánh bao hoa hồng trắng. Buổi tối, cả thị trấn sáng rực với hàng trăm chiếc đèn lồng đầy màu sắc, tạo nên một khung cảnh huyền ảo. Tôi thích chuyến đi này vì nó vừa thư giãn vừa giàu giá trị văn hóa. Người dân ở đây rất thân thiện và tôi cảm giác như mình đang quay ngược thời gian.)*

---

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do people like to travel to different places?** (*Tại sao mọi người thích đi du lịch đến những nơi khác nhau?*)

Sample answer:

People travel to experience new cultures, escape their daily routines, and gain fresh perspectives on life. Travel can also strengthen relationships and create lasting memories. (Mọi người đi du lịch để trải nghiệm những nền văn hóa mới, thoát khỏi thói quen hàng ngày và có cái nhìn mới mẻ về cuộc sống. Du lịch cũng có thể thắt chặt các mối quan hệ và tạo ra những kỷ niệm lâu dài.)

**2. How has tourism changed in recent decades?** (*Ngành du lịch đã thay đổi như thế nào trong vài thập kỷ qua?*)

Sample answer:

Tourism has become more accessible due to budget airlines and online booking platforms. However, it has also led to over-tourism in some destinations, affecting local communities and the environment. *(Ngành du lịch trở nên dễ tiếp cận hơn nhờ các hãng hàng không giá rẻ và nền tảng đặt vé trực tuyến. Tuy nhiên, điều này cũng gây ra tình trạng du lịch quá tải ở một số điểm đến, ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương và môi trường.)*

**3. Do you think international travel will become more popular in the future? (Bạn có nghĩ rằng du lịch quốc tế sẽ trở nên phổ biến hơn trong tương lai không?)**

Sample answer:

Yes, as global connectivity improves and people become more curious about the world, international travel will likely continue to grow, although environmental concerns may encourage more sustainable practices. *(Có, khi sự kết nối toàn cầu được cải thiện và con người ngày càng tò mò về thế giới, du lịch quốc tế có khả năng sẽ tiếp tục phát triển, mặc dù các mối lo ngại về môi trường có thể thúc đẩy các hình thức du lịch bền vững hơn.)*

## **Chủ đề 7: Health (Sức khỏe)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What do you do to stay healthy? (Bạn làm gì để giữ gìn sức khỏe?)**

Sample answer:

I try to maintain a balanced diet, exercise at least three times a week, and ensure I get enough sleep every night. I also avoid fast food and sugary drinks. *(Tôi cố gắng duy trì chế độ ăn uống cân bằng, tập thể dục ít nhất ba lần một tuần và đảm bảo ngủ đủ giấc mỗi đêm. Tôi cũng tránh đồ ăn nhanh và đồ uống có đường.)*

**2. Do you think people today are healthier than in the past? (Bạn có nghĩ rằng con người ngày nay khỏe mạnh hơn trước đây không?)**

Sample answer:

In some ways, yes. People now have better access to healthcare and nutritional knowledge. However, modern lifestyles also bring more stress and sedentary habits, which can harm health. *(Ở một khía cạnh nào đó thì có. Hiện nay, mọi người có điều kiện tiếp cận tốt hơn với dịch vụ y tế và kiến thức dinh dưỡng. Tuy nhiên, lối sống hiện đại cũng mang lại nhiều căng thẳng và thói quen ít vận động, có thể gây hại cho sức khỏe.)*

**3. What are common health problems in your country? (Những vấn đề sức khỏe phổ biến ở nước bạn là gì?)**

Sample answer:

Common health issues include cardiovascular diseases, diabetes, and respiratory problems, often caused by unhealthy diets, pollution, and lack of physical activity. *(Các vấn đề sức khỏe phổ biến gồm bệnh tim mạch, tiểu đường và các bệnh về hô hấp, thường do chế độ ăn uống không lành mạnh, ô nhiễm và thiếu hoạt động thể chất gây ra.)*

**4. Should the government provide free healthcare?** *(Chính phủ có nên cung cấp dịch vụ y tế miễn phí không?)*

Sample answer:

Yes, I believe basic healthcare should be free for everyone as it ensures equal access and promotes public health, especially for disadvantaged groups. *(Có, tôi tin rằng dịch vụ y tế cơ bản nên miễn phí cho mọi người vì điều này đảm bảo sự tiếp cận công bằng và nâng cao sức khỏe cộng đồng, đặc biệt cho các nhóm yếu thế.)*

**5. How can we encourage people to live healthier lives?** *(Làm thế nào để khuyến khích mọi người sống lành mạnh hơn?)*

Sample answer:

We can raise awareness through public campaigns, provide affordable fitness facilities, and integrate health education into the school curriculum. *(Chúng ta có thể nâng cao nhận thức thông qua các chiến dịch cộng đồng, cung cấp các cơ sở tập luyện với chi phí hợp lý và đưa giáo dục sức khỏe vào chương trình học.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a healthy habit you have. You should say: *(Miêu tả một thói quen lành mạnh mà bạn có. Bạn nên nói:)*

- What it is *(Đó là gì)*
- How long you have had it *(Bạn duy trì nó bao lâu)*
- How often you do it *(Bạn thực hiện nó thường xuyên thế nào)*
- And explain how it benefits your health *(Và giải thích nó có lợi cho sức khỏe bạn ra sao)*

Sample answer:

One healthy habit I have is going jogging every morning. I started this routine about two years ago after realizing I was spending too much time sitting at my desk. I usually run for around 30 minutes in the park near my home. This habit has greatly improved my stamina, helped me maintain a healthy weight, and boosted my mood throughout the day. I also find that jogging in the morning clears my mind and prepares me for a productive day ahead. *(Một thói quen lành mạnh mà tôi có là chạy bộ vào mỗi buổi sáng. Tôi bắt đầu thói quen này khoảng hai năm trước khi nhận ra mình dành quá nhiều thời gian ngồi làm việc. Tôi thường chạy khoảng 30 phút ở công viên gần nhà. Thói quen này đã cải thiện đáng kể sức bền của tôi, giúp tôi duy trì cân nặng hợp lý và nâng cao tâm trạng suốt cả ngày. Tôi cũng nhận thấy rằng chạy buổi sáng giúp đầu óc minh mẫn và chuẩn bị tinh thần cho một ngày làm việc hiệu quả.)*

**PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. What can governments do to improve public health?** *(Chính phủ có thể làm gì để cải thiện sức khỏe cộng đồng?)*

Sample answer:

Governments can invest in healthcare infrastructure, promote preventive medicine, and implement policies that encourage physical activity and healthy eating. *(Chính phủ có thể đầu tư vào cơ sở hạ tầng y tế, thúc đẩy y học dự phòng và ban hành các chính sách khuyến khích vận động thể chất và ăn uống lành mạnh.)*

**2. Do you think modern medicine is better than traditional medicine?** *(Bạn có nghĩ rằng y học hiện đại tốt hơn y học truyền thống không?)*

Sample answer:

Both have their strengths. Modern medicine is more effective in treating acute and life-threatening conditions, while traditional medicine can be beneficial for prevention and long-term wellness. *(Cả hai đều có ưu điểm riêng. Y học hiện đại hiệu quả hơn trong việc điều trị các bệnh cấp tính và đe dọa tính mạng, trong khi y học truyền thống có thể hữu ích cho việc phòng ngừa và chăm sóc sức khỏe lâu dài.)*

**3. How important is mental health compared to physical health?** *(Sức khỏe tinh thần quan trọng thế nào so với sức khỏe thể chất?)*

Sample answer:

Mental health is equally important because emotional well-being directly affects physical health. Stress, anxiety, and depression can weaken the immune system and lead to physical illnesses. *(Sức khỏe tinh thần cũng quan trọng như sức khỏe thể chất vì sự ổn định cảm xúc ảnh hưởng trực tiếp đến thể trạng. Căng thẳng, lo âu và trầm cảm có thể làm suy yếu hệ miễn dịch và gây ra bệnh tật.)*

## **Chủ đề 8: Food (Thức ăn)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. What is your favorite food? (Món ăn yêu thích của bạn là gì?)**

Sample answer:

My favorite food is grilled salmon with vegetables. It's not only delicious but also rich in protein and omega-3, which are good for my heart and brain. *(Món ăn yêu thích của tôi là cá hồi nướng ăn kèm rau củ. Nó không chỉ ngon mà còn giàu protein và omega-3, rất tốt cho tim và não.)*

#### **2. Do you prefer eating at home or dining out? (Bạn thích ăn ở nhà hay ăn ngoài hơn?)**

Sample answer:

I usually prefer eating at home because I can control the ingredients and cooking methods. However, I also enjoy dining out occasionally for the variety and atmosphere. *(Tôi thường thích ăn ở nhà vì có thể kiểm soát nguyên liệu và cách chế biến. Tuy nhiên, tôi cũng thích thỉnh thoảng ăn ngoài để thay đổi và tận hưởng không khí.)*

#### **3. Is traditional food important in your culture? (Ẩm thực truyền thống có quan trọng trong văn hóa của bạn không?)**

Sample answer:

Yes, traditional food is a vital part of my culture as it reflects our history, values, and way of life. It also plays an important role in family gatherings and festivals. *(Có, ẩm thực truyền thống là một phần quan trọng của văn hóa tôi vì nó phản ánh lịch sử, giá trị và lối sống của chúng tôi. Nó cũng đóng vai trò quan trọng trong các dịp sum họp gia đình và lễ hội.)*

#### **4. Have eating habits changed in your country? (Thói quen ăn uống ở nước bạn đã thay đổi chưa?)**

Sample answer:

Yes, people now eat more fast food and processed meals due to busy lifestyles. However, there's also a growing interest in healthy eating and organic food. *(Có, hiện nay mọi người ăn nhiều đồ ăn nhanh và thực phẩm chế biến sẵn hơn do lối sống bận rộn. Tuy nhiên, cũng có xu hướng ngày càng quan tâm đến ăn uống lành mạnh và thực phẩm hữu cơ.)*

**5. What are the advantages of eating healthy food?** *(Lợi ích của việc ăn thực phẩm lành mạnh là gì?)*

Sample answer:

Eating healthy food improves physical health, boosts energy levels, and enhances mental clarity. It also helps prevent chronic diseases such as diabetes and heart problems. *(Ăn thực phẩm lành mạnh giúp cải thiện sức khỏe thể chất, tăng năng lượng và cải thiện sự minh mẫn. Nó cũng giúp ngăn ngừa các bệnh mãn tính như tiểu đường và bệnh tim.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a special meal you enjoyed. You should say: *(Miêu tả một bữa ăn đặc biệt mà bạn đã thưởng thức. Bạn nên nói)*

- When and where you had it *(Khi nào và ở đâu bạn ăn bữa đó)*
- Who you were with *(Bạn ăn cùng ai)*
- What you ate *(Bạn ăn gì)*
- And explain why it was special *(Và giải thích tại sao nó đặc biệt)*

Sample answer:

One special meal I remember was last year during the Lunar New Year. My family gathered at my grandparents' house, and we prepared a traditional feast together. The table was full of dishes like sticky rice cake, braised pork with eggs, and pickled vegetables. We shared stories, laughed a lot, and enjoyed the food we had spent hours cooking. It was special not only because of the delicious dishes but also because it brought the whole family closer. *(Một bữa ăn đặc biệt mà tôi nhớ là vào dịp Tết Nguyên Đán năm ngoái. Gia đình tôi tụ tập tại nhà ông bà và cùng nhau chuẩn bị một bữa tiệc truyền thống. Trên bàn đầy đủ các món như bánh chưng, thịt kho trứng và dưa món. Chúng tôi kể chuyện, cười rất nhiều và thưởng thức những món đã mất hàng giờ để nấu. Nó đặc biệt không chỉ vì món ăn ngon mà còn vì nó gắn kết cả gia đình lại với nhau.)*

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How has globalization affected eating habits? (Toàn cầu hóa đã ảnh hưởng thế nào đến thói quen ăn uống?)**

Sample answer:

Globalization has introduced people to cuisines from around the world, increasing food variety. However, it has also led to the spread of fast food chains, which can negatively impact health. *(Toàn cầu hóa đã giúp mọi người tiếp cận ẩm thực từ khắp nơi trên thế giới, tăng sự đa dạng món ăn. Tuy nhiên, nó cũng dẫn đến sự phổ biến của các chuỗi đồ ăn nhanh, có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.)*

**2. Do you think children's diets should be strictly controlled? (Bạn có nghĩ rằng chế độ ăn của trẻ em nên được kiểm soát chặt chẽ không?)**

Sample answer:

Yes, because children are still developing physically and mentally. A healthy diet ensures they grow properly and reduces the risk of obesity and other health problems. *(Có, vì trẻ em vẫn đang phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần. Chế độ ăn lành mạnh giúp các em phát triển đúng cách và giảm nguy cơ béo phì cũng như các vấn đề sức khỏe khác.)*

**3. Should governments regulate the food industry? (Chính phủ có nên quản lý ngành công nghiệp thực phẩm không?)**

Sample answer:

Absolutely. Governments should set safety standards, regulate food labeling, and control the marketing of unhealthy food, especially to children. *(Chắc chắn rồi. Chính phủ nên đặt ra tiêu chuẩn an toàn, quản lý việc ghi nhãn thực phẩm và kiểm soát quảng cáo đồ ăn không lành mạnh, đặc biệt đối với trẻ em.)*

## **Chủ đề 9: Hobbies (Sở thích)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What do you like doing in your free time? (Bạn thích làm gì trong thời gian rảnh?)**

Sample answer:

In my free time, I enjoy reading self-improvement books and practicing the guitar. These activities help me relax while also improving my knowledge and skills. *(Trong thời gian rảnh, tôi thích đọc sách phát triển bản thân và luyện chơi đàn guitar. Những hoạt động này giúp tôi thư giãn đồng thời nâng cao kiến thức và kỹ năng.)*

**2. How often do you do your hobbies? (Bạn thường làm sở thích của mình bao lâu một lần?)**

**Sample answer:**

I try to practice my hobbies at least three times a week. Even when I'm busy, I make sure to spare some time because they keep me balanced. *(Tôi cố gắng thực hiện sở thích của mình ít nhất ba lần mỗi tuần. Ngay cả khi bận rộn, tôi vẫn dành thời gian vì chúng giúp tôi giữ cân bằng.)*

**3. Have your hobbies changed since childhood? (Sở thích của bạn có thay đổi từ khi còn nhỏ không?)**

**Sample answer:**

Yes, they have. As a child, I loved playing outdoor games, but as I grew older, I developed an interest in activities that require more focus, such as painting and playing music. *(Có, đã thay đổi. Khi còn nhỏ, tôi thích chơi các trò ngoài trời, nhưng khi lớn hơn, tôi lại quan tâm đến những hoạt động cần sự tập trung nhiều hơn, như vẽ tranh và chơi nhạc.)*

**4. Do you think having a hobby is important? (Bạn có nghĩ việc có sở thích là quan trọng không?)**

**Sample answer:**

Definitely. Hobbies provide a break from routine, reduce stress, and can even enhance creativity and problem-solving skills. *(Chắc chắn rồi. Sở thích giúp ta thoát khỏi sự lặp lại của cuộc sống, giảm căng thẳng và thậm chí còn cải thiện khả năng sáng tạo và giải quyết vấn đề.)*

**5. Would you like to learn a new hobby? (Bạn có muốn học một sở thích mới không?)**

*Sample answer:*

Yes, I'd love to learn photography because it would allow me to capture memorable moments and express myself through visual art. *(Có, tôi muốn học nhiếp ảnh vì nó sẽ cho phép tôi ghi lại những khoảnh khắc đáng nhớ và thể hiện bản thân qua nghệ thuật thị giác.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a hobby you enjoy. You should say: *(Miêu tả một sở thích mà bạn yêu thích. Bạn nên nói)*

- What it is *(Đó là gì)*

- How long you have been doing it (*Bạn đã làm bao lâu*)
  - How you started it (*Bạn bắt đầu như thế nào*)
- And explain why you enjoy it (*Và giải thích tại sao bạn thích nó*)

Sample answer:

One of my favorite hobbies is playing the guitar. I started learning it about five years ago after being inspired by a street performance. At first, I struggled with finger positioning and chord changes, but with consistent practice, I gradually improved. Playing the guitar is meaningful to me because it allows me to express emotions that words can't convey, and it also helps me connect with other music lovers.

*(Một trong những sở thích yêu thích của tôi là chơi đàn guitar. Tôi bắt đầu học khoảng năm năm trước sau khi được truyền cảm hứng từ một buổi biểu diễn trên phố. Ban đầu, tôi gặp khó khăn trong việc đặt ngón tay và chuyển hợp âm, nhưng nhờ luyện tập thường xuyên, tôi đã dần tiến bộ. Chơi guitar có ý nghĩa với tôi vì nó cho phép tôi thể hiện những cảm xúc mà lời nói không thể diễn đạt, và nó cũng giúp tôi kết nối với những người yêu âm nhạc khác.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

#### **1. Why do people need hobbies? (*Tại sao mọi người cần có sở thích?*)**

Sample answer:

Hobbies help people relieve stress, maintain mental well-being, and develop new skills. They can also foster social connections when shared with others. *(Sở thích giúp mọi người giảm căng thẳng, duy trì sức khỏe tinh thần và phát triển kỹ năng mới. Chúng cũng có thể thúc đẩy mối quan hệ xã hội khi được chia sẻ với người khác.)*

#### **2. Do hobbies vary between generations? (*Sở thích có khác nhau giữa các thế hệ không?*)**

Sample answer:

Yes, older generations tend to enjoy traditional pastimes like gardening or knitting, while younger people often prefer technology-based hobbies such as gaming or social media content creation. *(Có, thế hệ lớn tuổi thường thích những hoạt động truyền thống như làm vườn hoặc đan len, trong khi giới trẻ thường ưa chuộng các sở thích liên quan đến công nghệ như chơi game hoặc tạo nội dung trên mạng xã hội.)*

#### **3. Can a hobby become a career? (*Một sở thích có thể trở thành nghề nghiệp không?*)**

Sample answer:

Absolutely. Many people turn their passions, like photography, cooking, or graphic design, into full-time professions, especially with the opportunities provided by the internet. (*Chắc chắn rồi. Nhiều người đã biến đam mê của mình, như nhiếp ảnh, nấu ăn hoặc thiết kế đồ họa, thành nghề nghiệp toàn thời gian, đặc biệt nhờ cơ hội mà internet mang lại.*)

## **Chủ đề 10: Reading (Đọc sách)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. Do you enjoy reading? (Bạn có thích đọc sách không?)**

Sample answer:

Yes, I truly enjoy reading because it broadens my horizons and allows me to explore different perspectives without leaving my home. (*Có, tôi thực sự thích đọc sách vì nó mở rộng tầm hiểu biết và cho phép tôi khám phá nhiều góc nhìn khác nhau mà không cần rời khỏi nhà.*)

#### **2. What kind of books do you like? (Bạn thích loại sách nào?)**

**Sample answer:** I'm particularly fond of non-fiction books, especially those on psychology and self-development, as they provide practical knowledge I can apply in daily life. (*Tôi đặc biệt thích sách phi hư cấu, nhất là những cuốn về tâm lý học và phát triển bản thân, vì chúng cung cấp kiến thức thực tiễn mà tôi có thể áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.*)

#### **3. Do you prefer printed books or e-books? (Bạn thích sách in hay sách điện tử hơn?)**

Sample answer:

I prefer printed books because I enjoy the tactile feeling of flipping through pages and the absence of screen glare, which helps reduce eye strain. (*Tôi thích sách in hơn vì tôi thích cảm giác lật từng trang sách và không bị ánh sáng màn hình làm mỏi mắt.*)

#### **4. How often do you read? (Bạn đọc sách thường xuyên như thế nào?)**

Sample answer:

I try to read for at least 30 minutes every day, usually in the evening before going to bed, as it helps me relax and sleep better. (*Tôi cố gắng đọc ít nhất 30 phút mỗi ngày, thường là vào buổi tối trước khi ngủ, vì nó giúp tôi thư giãn và ngủ ngon hơn.*)

#### **5. How can reading benefit you? (Việc đọc sách có thể mang lại lợi ích gì cho bạn?)**

Sample answer:

Reading enhances vocabulary, improves critical thinking skills, and provides a deeper understanding of various cultures and human experiences. (*Đọc sách giúp mở rộng vốn từ vựng, cải thiện kỹ năng tư duy phản biện và mang lại sự hiểu biết sâu sắc hơn về nhiều nền văn hóa và trải nghiệm của con người.*)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a book you have recently read. You should say: (*Miêu tả một cuốn sách mà bạn đã đọc gần đây. Bạn nên nói:*)

- What the book is about (*Cuốn sách nói về gì*)
- How you got it (*Bạn có nó bằng cách nào*)
- What you learned from it (*Bạn học được gì từ nó*)
- And explain why you would recommend it to others (*Và giải thích tại sao bạn muốn giới thiệu cho người khác*)

Sample answer:

A book I recently read is Atomic Habits by James Clear. It focuses on the idea that small, consistent actions can lead to remarkable results over time. I bought it after hearing several positive reviews from friends. The book taught me how to build good habits by making them obvious, attractive, easy, and satisfying. I would highly recommend it because the strategies are practical and backed by scientific research, making it easy for anyone to apply them in daily life.

(*Một cuốn sách tôi vừa đọc gần đây là Atomic Habits của James Clear. Nó tập trung vào ý tưởng rằng những hành động nhỏ, thực hiện đều đặn có thể dẫn đến kết quả đáng kinh ngạc theo thời gian. Tôi mua nó sau khi nghe nhiều lời khen từ bạn bè. Cuốn sách đã dạy tôi cách xây dựng thói quen tốt bằng cách khiến chúng rõ ràng, hấp dẫn, dễ thực hiện và mang lại sự hài lòng. Tôi rất muốn giới thiệu nó vì các chiến lược trong sách vừa thực tiễn vừa được chứng minh bằng nghiên cứu khoa học, giúp bất kỳ ai cũng có thể áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.*)

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

1. Do you think people read less nowadays? (*Bạn có nghĩ rằng ngày nay mọi người đọc ít hơn không?*)

Sample answer:

Yes, with the rise of digital entertainment and social media, people tend to spend more time watching videos or browsing online rather than reading books. *(Có, với sự phát triển của giải trí kỹ thuật số và mạng xã hội, mọi người có xu hướng dành nhiều thời gian xem video hoặc lướt web hơn là đọc sách.)*

**2. How can schools encourage students to read more?** *(Các trường học có thể khuyến khích học sinh đọc nhiều hơn bằng cách nào?)*

Sample answer:

Schools can introduce engaging reading programs, create comfortable reading spaces, and allow students to choose books that match their interests. *(Các trường có thể giới thiệu các chương trình đọc thú vị, tạo không gian đọc thoải mái và cho phép học sinh chọn sách phù hợp với sở thích của mình.)*

**3. Will printed books disappear in the future?** *(Sách in có biến mất trong tương lai không?)*

Sample answer:

I don't think so. While e-books are becoming more popular, printed books offer a unique sensory experience that many readers still value and will continue to cherish. *(Tôi không nghĩ vậy. Mặc dù sách điện tử ngày càng phổ biến, sách in mang lại trải nghiệm giác quan độc đáo mà nhiều độc giả vẫn trân trọng và sẽ tiếp tục yêu thích.)*

## **Chủ đề 11: Social Media (Mạng xã hội)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. How often do you use social media?** *(Bạn sử dụng mạng xã hội thường xuyên như thế nào?)*

Sample answer: I use social media on a daily basis, usually in short bursts throughout the day, to stay updated on news, connect with friends, and sometimes just to unwind. However, I try not to spend excessive time on it because I'm aware it can easily become a time sink. *(Tôi sử dụng mạng xã hội hàng ngày, thường là vài lần ngắn trong ngày, để cập nhật tin tức, kết nối với bạn bè và đôi khi chỉ để thư giãn. Tuy nhiên, tôi cố gắng không dành quá nhiều thời gian cho nó vì tôi biết nó rất dễ trở thành một "hố đen thời gian".)*

**2. What platforms do you use the most?** *(Bạn sử dụng nền tảng nào nhiều nhất?)*

Sample answer:

I mainly use Facebook and Instagram because they allow me to stay in touch with friends and follow educational as well as entertainment content. I also use LinkedIn occasionally for professional networking, especially when I'm looking to expand my career opportunities. *(Tôi chủ yếu sử dụng Facebook và Instagram vì chúng giúp tôi giữ liên lạc với bạn bè và theo dõi cả nội dung giáo dục lẫn giải trí. thỉnh thoảng tôi cũng dùng LinkedIn cho mục đích kết nối nghề nghiệp, đặc biệt khi tôi muốn mở rộng cơ hội công việc.)*

**3. What are the benefits of social media? (Mạng xã hội có những lợi ích gì?)**

Sample answer:

Social media makes the world feel smaller by enabling instant communication regardless of distance. It's a powerful tool for learning new things, sharing ideas, and even promoting businesses without spending a fortune. In other words, it levels the playing field for everyone. *(Mạng xã hội khiến thế giới trở nên nhỏ bé hơn nhờ khả năng giao tiếp tức thì bất kể khoảng cách. Nó là công cụ mạnh mẽ để học hỏi những điều mới, chia sẻ ý tưởng và thậm chí quảng bá kinh doanh mà không cần tốn quá nhiều tiền. Nói cách khác, nó tạo cơ hội công bằng hơn cho mọi người.)*

**4. What are the drawbacks of using social media? (Mạng xã hội có những hạn chế gì?)**

Sample answer:

One major drawback is that it can be addictive, leading to procrastination and reduced productivity. It can also spread misinformation quickly, which can be harmful if people don't verify the facts. In extreme cases, it may even affect mental health due to online comparison and cyberbullying. *(Một hạn chế lớn là nó có thể gây nghiện, dẫn đến trì hoãn và giảm hiệu suất làm việc. Nó cũng có thể lan truyền thông tin sai lệch rất nhanh, gây hại nếu mọi người không kiểm chứng sự thật. Trong một số trường hợp nghiêm trọng, nó còn ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần do so sánh trên mạng và bắt nạt trực tuyến.)*

**5. Should children be allowed to use social media? (Trẻ em có nên được sử dụng mạng xã hội không?)**

Sample answer:

I think children can use social media, but under strict supervision. They should be educated on online safety and time management so that they can benefit from it without falling into potential traps such as cyberbullying or exposure to inappropriate content. *(Tôi nghĩ trẻ em có thể dùng mạng xã hội nhưng phải dưới sự giám sát chặt chẽ. Các em cần được giáo dục về an toàn trực tuyến và quản lý thời gian để có thể tận dụng lợi ích mà không rơi vào những cạm bẫy như bắt nạt mạng hay tiếp xúc với nội dung không phù hợp.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a social media platform you often use. You should say: *(Miêu tả một nền tảng mạng xã hội mà bạn thường sử dụng. Bạn nên nói:)*

- What it is *(Nó là gì)*
- How you use it *(Bạn sử dụng nó như thế nào)*
- What you like and dislike about it *(Bạn thích và không thích điều gì ở nó)*
- And explain why it is popular in your country *(Và giải thích tại sao nó phổ biến ở đất nước bạn)*

Sample answer:

One platform I frequently use is Instagram. I mainly use it to share photos, watch short videos, and follow accounts related to language learning and travel. What I like most is its visually appealing layout, which makes browsing enjoyable. However, I don't like the fact that it can sometimes feel superficial, with people often showing only the "highlight reel" of their lives. In my country, Instagram is popular because it's easy to use, supports creativity, and is a great way for people to connect with like-minded individuals, regardless of location. As they say, "a picture is worth a thousand words," and Instagram embodies that perfectly.

*(Một nền tảng tôi thường sử dụng là Instagram. Tôi chủ yếu dùng nó để chia sẻ ảnh, xem video ngắn và theo dõi các tài khoản liên quan đến học ngôn ngữ và du lịch. Điều tôi thích nhất là giao diện trực quan, đẹp mắt, khiến việc lướt trở nên thú vị. Tuy nhiên, tôi không thích việc đôi khi nó mang cảm giác hơi hợt, khi mọi người thường chỉ chia sẻ "những khoảnh khắc đẹp nhất" của cuộc sống. Ở đất nước tôi, Instagram phổ biến vì nó dễ sử dụng, hỗ trợ sự sáng tạo và là cách tuyệt vời để mọi người kết nối với những người cùng sở thích, bất kể khoảng cách. Như câu nói "một bức ảnh đáng giá ngàn lời nói", Instagram thể hiện điều đó một cách hoàn hảo.)*

**PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think social media will replace face-to-face communication?** *(Bạn có nghĩ mạng xã hội sẽ thay thế giao tiếp trực tiếp không?)*

Sample answer:

I don't think it will completely replace in-person communication because humans are social creatures who value physical presence and non-verbal cues. While social media makes interaction easier, it can't fully replicate the warmth and authenticity of a face-to-face conversation. *(Tôi không nghĩ nó sẽ hoàn toàn thay thế giao tiếp trực tiếp vì con người là*

sinh vật xã hội, coi trọng sự hiện diện và ngôn ngữ cơ thể. Mạng xã hội giúp tương tác dễ dàng hơn nhưng không thể tái hiện trọn vẹn sự ấm áp và chân thật của một cuộc trò chuyện trực tiếp.)

**2. How can social media be used positively in education? (Mạng xã hội có thể được sử dụng tích cực trong giáo dục như thế nào?)**

Sample answer:

It can be a platform for collaborative learning, where students share resources, participate in discussions, and get feedback from teachers. For example, a class group on Facebook or a channel on YouTube can make lessons more engaging and accessible. (Nó có thể là nền tảng cho việc học cộng tác, nơi học sinh chia sẻ tài liệu, tham gia thảo luận và nhận phản hồi từ giáo viên. Ví dụ, một nhóm lớp trên Facebook hoặc kênh YouTube có thể giúp bài học sinh động và dễ tiếp cận hơn.)

**3. What do you think the future of social media will look like? (Bạn nghĩ tương lai của mạng xã hội sẽ như thế nào?)**

Sample answer:

I believe it will become even more immersive, possibly integrating virtual reality and AI to create highly personalized experiences. However, there will also be a greater emphasis on data privacy and digital well-being as people become more aware of the risks. (Tôi tin rằng nó sẽ trở nên sống động hơn nữa, có thể tích hợp thực tế ảo và trí tuệ nhân tạo để tạo ra những trải nghiệm cá nhân hóa cao. Tuy nhiên, cũng sẽ có sự chú trọng hơn vào quyền riêng tư dữ liệu và sức khỏe tinh thần khi mọi người ngày càng nhận thức rõ hơn về các rủi ro.)

## **Chủ đề 12: Friends (Bạn bè)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you have many close friends? (Bạn có nhiều bạn thân không?)**

Sample answer:

I have a small circle of close friends rather than a large group, because I believe quality matters more than quantity when it comes to friendships. These are people I can count on through thick and thin. (Tôi có một nhóm bạn thân nhỏ thay vì một nhóm lớn, vì tôi tin rằng chất lượng quan trọng hơn số lượng khi nói đến tình bạn. Đây là những người tôi có thể dựa vào dù trong hoàn cảnh nào.)

**2. What do you like to do with your friends? (Bạn thích làm gì với bạn bè?)**

Sample answer:

We enjoy simple activities like having coffee, watching movies, or going on short trips together. Sometimes, it's not about what we do but about enjoying each other's company. *(Chúng tôi thích những hoạt động đơn giản như uống cà phê, xem phim hoặc đi chơi xa ngắn ngày. Đôi khi, điều quan trọng không phải là làm gì mà là tận hưởng thời gian bên nhau.)*

**3. Do you think it's easy to make friends? (Bạn nghĩ kết bạn dễ không?)**

Sample answer:

It depends on the situation and personality. For outgoing people, making friends can be as easy as pie, but for introverts, it might take more time and trust-building. *(Điều đó phụ thuộc vào tình huống và tính cách. Với những người hướng ngoại, kết bạn có thể dễ như trở bàn tay, nhưng với người hướng nội, có thể mất nhiều thời gian và cần xây dựng sự tin tưởng.)*

**4. How do you usually keep in touch with friends? (Bạn thường giữ liên lạc với bạn bè như thế nào?)**

Sample answer:

I mostly use messaging apps and social media to stay connected, but I also try to meet face-to-face whenever possible because nothing beats real conversations. *(Tôi thường dùng các ứng dụng nhắn tin và mạng xã hội để giữ liên lạc, nhưng tôi cũng cố gắng gặp mặt trực tiếp khi có thể vì không gì thay thế được những cuộc trò chuyện thật.)*

**5. What qualities do you value in a friend? (Bạn coi trọng những phẩm chất nào ở một người bạn?)**

Sample answer:

I value honesty, loyalty, and a good sense of humor. A true friend is someone who tells you the truth even when it's hard to hear, and who sticks around no matter what. *(Tôi coi trọng sự trung thực, lòng trung thành và khiếu hài hước. Một người bạn thật sự là người nói cho bạn sự thật dù khó nghe, và luôn ở bên bạn dù thế nào đi nữa.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe your best friend. You should say: *(Miêu tả người bạn thân nhất của bạn. Bạn nên nói:)*

Who he/she is (*Người đó là ai*)

How you met (*Bạn gặp người đó như thế nào*)

What kind of person he/she is (*Người đó là người như thế nào*)

And explain why you are close (*Và giải thích tại sao bạn thân với người đó*)

Sample answer:

My best friend is Minh, whom I've known since high school. We first met in a debate club, and we instantly clicked because we shared similar interests and a quirky sense of humor. He is incredibly supportive, always ready to lend a hand, and never judges me for my mistakes. We've been through thick and thin together, from stressful exams to personal challenges, and this has strengthened our bond. I think what makes our friendship special is the mutual respect and understanding we have for each other.

*(Bạn thân nhất của tôi là Minh, người mà tôi quen từ thời cấp 3. Chúng tôi gặp nhau lần đầu trong câu lạc bộ tranh biện và nhanh chóng hợp nhau vì có chung sở thích và khiếu hài hước đặc biệt. Cậu ấy rất ủng hộ tôi, luôn sẵn sàng giúp đỡ và không bao giờ phán xét sai lầm của tôi. Chúng tôi đã cùng nhau trải qua nhiều thăng trầm, từ kỳ thi căng thẳng đến những khó khăn cá nhân, và điều này đã củng cố tình bạn của chúng tôi. Tôi nghĩ điều làm cho tình bạn này đặc biệt là sự tôn trọng và thấu hiểu lẫn nhau.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think friendship changes as people get older?** (*Bạn có nghĩ tình bạn thay đổi khi con người già đi không?*)

Sample answer:

Definitely. As people get older, their priorities shift, work, family, and responsibilities take more time, so friendships often become fewer but deeper. It's like the saying, "Old friends are gold," because those who remain are truly valuable. (*Chắc chắn rồi. Khi con người già đi, ưu tiên của họ thay đổi, công việc, gia đình và trách nhiệm chiếm nhiều thời gian hơn, nên tình bạn thường ít hơn nhưng sâu sắc hơn. Giống như câu nói "Bạn cũ là vàng," vì những người ở lại mới thật sự quý giá.*)

**2. Is it better to have a few close friends or many acquaintances?** (*Có tốt hơn không khi có vài người bạn thân thay vì nhiều người quen?*)

Sample answer:

I believe having a few close friends is better because they provide genuine emotional support and trust, while acquaintances may only offer surface-level connections. Quality over quantity really applies here. *(Tôi tin rằng có vài người bạn thân thì tốt hơn vì họ mang lại sự hỗ trợ tinh thần và sự tin tưởng thật sự, trong khi những người quen có thể chỉ mang lại mối liên hệ hời hợt. Ở đây chất lượng hơn số lượng là hoàn toàn đúng.)*

**3. How important is trust in a friendship? (Niềm tin quan trọng như thế nào trong tình bạn?)**

Sample answer:

Trust is the backbone of any friendship. Without it, the relationship becomes fragile and may eventually fall apart. It's built over time through honesty, consistency, and shared experiences. *(Niềm tin là xương sống của mọi tình bạn. Nếu không có nó, mối quan hệ sẽ trở nên mong manh và có thể tan vỡ. Niềm tin được xây dựng qua thời gian thông qua sự trung thực, nhất quán và những trải nghiệm chung.)*

## **Chủ đề 13: Music (Âm nhạc)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What kind of music do you like? (Bạn thích loại nhạc nào?)**

Sample answer:

I enjoy a variety of genres, but I'm particularly fond of acoustic and jazz because they help me relax after a long day. Music, to me, is like food for the soul, and different genres suit different moods. *(Tôi thích nhiều thể loại khác nhau, nhưng đặc biệt yêu thích nhạc acoustic và jazz vì chúng giúp tôi thư giãn sau một ngày dài. Với tôi, âm nhạc giống như món ăn tinh thần, và mỗi thể loại lại phù hợp với một tâm trạng khác nhau.)*

**2. Do you play any musical instruments? (Bạn có chơi nhạc cụ nào không?)**

Sample answer:

Yes, I play the guitar at an amateur level. It's nothing fancy, but strumming a few chords can instantly lift my mood and help me unwind. *(Có, tôi chơi guitar ở mức cơ bản. Không có gì đặc biệt, nhưng gảy vài hợp âm cũng có thể khiến tâm trạng tôi tốt hơn và giúp tôi thư giãn.)*

**3. Is music important in your culture? (Âm nhạc có quan trọng trong văn hóa của bạn không?)**

Sample answer:

Absolutely. In my culture, music plays a vital role in festivals, ceremonies, and daily life. Traditional songs are passed down through generations, carrying the stories and values of our ancestors. *(Chắc chắn rồi. Trong văn hóa của tôi, âm nhạc đóng vai trò quan trọng trong các lễ hội, nghi lễ và cả đời sống hằng ngày. Những bài hát truyền thống được truyền lại qua nhiều thế hệ, mang theo câu chuyện và giá trị của tổ tiên.)*

**4. Do you prefer live concerts or recorded music?** *(Bạn thích hòa nhạc trực tiếp hay nhạc thu âm hơn?)*

Sample answer:

I prefer live concerts because the atmosphere is electric, and you can feel the energy of the crowd. However, recorded music is more convenient for daily listening. *(Tôi thích hòa nhạc trực tiếp hơn vì bầu không khí rất sôi động và bạn có thể cảm nhận được năng lượng từ đám đông. Tuy nhiên, nhạc thu âm thì tiện hơn cho việc nghe hàng ngày.)*

**5. How does music affect your mood?** *(Âm nhạc ảnh hưởng đến tâm trạng của bạn thế nào?)*

Sample answer:

Music has a powerful effect on my emotions. Upbeat songs can boost my energy, while slow, soft tunes can calm me down. It's like having an emotional switch at my fingertips. *(Âm nhạc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cảm xúc của tôi. Những bài hát sôi động có thể tăng năng lượng cho tôi, trong khi giai điệu chậm và nhẹ nhàng có thể giúp tôi bình tĩnh. Nó giống như có một công tắc cảm xúc ngay trong tầm tay.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a song that means a lot to you. You should say: *(Miêu tả một bài hát có ý nghĩa lớn đối với bạn. Bạn nên nói:)*

- What the song is *(Bài hát đó là gì)*
- When you first heard it *(Bạn nghe nó lần đầu khi nào)*
- What it is about *(Nội dung bài hát)*
- And explain why it is meaningful to you *(Và giải thích tại sao nó có ý nghĩa với bạn)*

Sample answer:

One song that holds a special place in my heart is Imagine by John Lennon. I first heard it when I was in secondary school, during an English lesson. The song is about peace, unity, and hope for a better world without barriers or conflicts. Its simple yet profound lyrics really struck a chord with me, and I often listen to it when I need inspiration or comfort. For me, Imagine is not just a song, it's a reminder that even in difficult times, we can dream of a kinder and more harmonious world.

*(Một bài hát có vị trí đặc biệt trong trái tim tôi là Imagine của John Lennon. Tôi nghe nó lần đầu khi còn học cấp 2, trong một tiết học tiếng Anh. Bài hát nói về hòa bình, sự đoàn kết và hy vọng về một thế giới tốt đẹp hơn không có rào cản hay xung đột. Lời bài hát đơn giản nhưng sâu sắc đã chạm đến trái tim tôi, và tôi thường nghe nó khi cần cảm hứng hoặc sự an ủi. Với tôi, Imagine không chỉ là một bài hát, nó là lời nhắc nhở rằng ngay cả trong những lúc khó khăn, chúng ta vẫn có thể mơ về một thế giới nhân ái và hài hòa hơn.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How has technology changed the way we listen to music? (Công nghệ đã thay đổi cách chúng ta nghe nhạc như thế nào?)**

Sample answer:

Technology has revolutionized music consumption. We no longer need CDs or vinyl records; instead, we can access millions of songs instantly through streaming platforms. This convenience allows people to explore different genres from around the world. *(Công nghệ đã cách mạng hóa việc nghe nhạc. Chúng ta không còn cần CD hay đĩa than nữa; thay vào đó, có thể truy cập hàng triệu bài hát ngay lập tức qua các nền tảng phát trực tuyến. Sự tiện lợi này cho phép mọi người khám phá nhiều thể loại nhạc từ khắp nơi trên thế giới.)*

**2. Do you think music education is important for children? (Bạn có nghĩ giáo dục âm nhạc quan trọng đối với trẻ em không?)**

Sample answer:

Yes, music education helps develop creativity, discipline, and emotional intelligence. Learning an instrument, for example, teaches patience and perseverance, which are valuable life skills. *(Có, giáo dục âm nhạc giúp phát triển sự sáng tạo, tính kỷ luật và trí tuệ cảm xúc. Ví dụ, học chơi một nhạc cụ dạy cho trẻ sự kiên nhẫn và bền bỉ, đây là những kỹ năng sống quý giá.)*

**3. Is traditional music still relevant in the modern world? (Âm nhạc truyền thống còn phù hợp trong thế giới hiện đại không?)**

Sample answer:

I believe it is. Traditional music reflects a nation's heritage and identity. While modern genres dominate the charts, preserving traditional music ensures that future generations understand their cultural roots. *(Tôi tin rằng vẫn phù hợp. Âm nhạc truyền thống phản ánh di sản và bản sắc của một quốc gia. Dù các thể loại hiện đại chiếm ưu thế trên bảng xếp hạng, việc gìn giữ âm nhạc truyền thống đảm bảo các thế hệ tương lai hiểu về cội nguồn văn hóa của mình.)*

## **Chủ đề 14: Sports (Thể thao)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you like playing or watching sports? (Bạn thích chơi thể thao hay xem thể thao?)**

Sample answer:

I enjoy both, but I lean more towards playing because it keeps me active and healthy. That said, watching sports, especially football, can be thrilling, especially when it's a close match. *(Tôi thích cả hai, nhưng nghiêng về việc chơi thể thao hơn vì nó giúp tôi năng động và khỏe mạnh. Tuy vậy, việc xem thể thao, đặc biệt là bóng đá, có thể rất phấn khích, nhất là khi đó là một trận đấu cân sức.)*

**2. What sports are popular in your country? (Những môn thể thao nào phổ biến ở đất nước bạn?)**

Sample answer:

Football is by far the most popular sport, with millions of fans across the country. Badminton and volleyball are also widely played, especially in schools and local communities. *(Bóng đá là môn thể thao phổ biến nhất, với hàng triệu người hâm mộ trên khắp cả nước. Cầu lông và bóng chuyền cũng được chơi rộng rãi, đặc biệt ở các trường học và cộng đồng địa phương.)*

**3. Did you play any sports when you were a child? (Bạn có chơi môn thể thao nào khi còn nhỏ không?)**

Sample answer:

Yes, I used to play badminton with my friends almost every afternoon after school. It was a great way to blow off steam and strengthen our friendship. *(Có, tôi thường chơi cầu lông với*

*bạn bè gần như mỗi buổi chiều sau giờ học. Đó là một cách tuyệt vời để xả stress và củng cố tình bạn.)*

**4. What are the benefits of playing sports? (Chơi thể thao mang lại lợi ích gì?)**

Sample answer:

Playing sports improves physical health, builds teamwork skills, and teaches discipline. It also helps people develop resilience because you learn to handle both wins and losses gracefully. *(Chơi thể thao cải thiện sức khỏe thể chất, rèn kỹ năng làm việc nhóm và dạy tính kỷ luật. Nó cũng giúp con người phát triển sự kiên cường vì bạn học cách chấp nhận cả thắng lẫn thua một cách bình tĩnh.)*

**5. Should schools give more importance to sports? (Trường học có nên coi trọng thể thao hơn không?)**

Sample answer:

Absolutely. Sports not only keep students fit but also foster essential life skills such as cooperation and perseverance, which are just as important as academic achievements. *(Chắc chắn rồi. Thể thao không chỉ giúp học sinh khỏe mạnh mà còn nuôi dưỡng những kỹ năng sống thiết yếu như hợp tác và kiên trì, vốn quan trọng không kém thành tích học tập.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a sport you enjoy watching. You should say: *(Miêu tả một môn thể thao bạn thích xem. Bạn nên nói:)*

- What the sport is *(Môn thể thao đó là gì)*
- How often you watch it *(Bạn xem nó thường xuyên thế nào)*
- Who you watch it with *(Bạn xem cùng ai)*
- And explain why you enjoy watching it *(Và giải thích tại sao bạn thích xem)*

Sample answer:

One sport I really enjoy watching is football. I usually watch it twice a week, especially during major tournaments like the World Cup or the Premier League. Most of the time, I watch matches with my family or close friends, which makes the experience even more exciting. Football fascinates me because it's unpredictable, anything can happen in the last few minutes. The atmosphere during big games is electric, and when my favorite team wins, it feels like we're all on cloud nine.

*(Một môn thể thao mà tôi rất thích xem là bóng đá. Tôi thường xem nó khoảng hai lần một tuần, đặc biệt là trong các giải đấu lớn như World Cup hoặc Premier League. Hầu hết thời gian, tôi xem cùng gia đình hoặc bạn thân, điều này khiến trải nghiệm trở nên hào hứng hơn. Bóng đá cuốn hút tôi vì nó đầy bất ngờ, bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra trong những phút cuối. Bầu không khí trong các trận đấu lớn rất sôi động, và khi đội yêu thích của tôi thắng, cảm giác như tất cả chúng tôi đều đang ở trên mây.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do some people prefer individual sports to team sports?** *(Tại sao một số người thích thể thao cá nhân hơn thể thao đồng đội?)*

Sample answer:

Some people prefer individual sports because they have more control over their performance and don't have to rely on others. Sports like tennis or swimming allow them to focus entirely on personal goals and self-improvement. *(Một số người thích thể thao cá nhân vì họ có nhiều quyền kiểm soát hơn đối với thành tích của mình và không phải phụ thuộc vào người khác. Các môn như tennis hoặc bơi lội cho phép họ tập trung hoàn toàn vào mục tiêu cá nhân và sự tiến bộ của bản thân.)*

**2. Do you think professional athletes are paid too much?** *(Bạn có nghĩ các vận động viên chuyên nghiệp được trả quá nhiều tiền không?)*

Sample answer:

In some cases, yes. While top athletes bring in huge revenue for their teams and sponsors, the gap between their earnings and those of ordinary workers is enormous. However, their careers are short, and the training is extremely demanding. *(Trong một số trường hợp, đúng vậy. Mặc dù các vận động viên hàng đầu mang lại doanh thu khổng lồ cho đội và nhà tài trợ, khoảng cách giữa thu nhập của họ và người lao động bình thường là rất lớn. Tuy nhiên, sự nghiệp của họ ngắn ngủi và việc luyện tập vô cùng khắc nghiệt.)*

**3. How can governments encourage people to do more sports?** *(Chính phủ có thể làm gì để khuyến khích người dân chơi thể thao nhiều hơn?)*

Sample answer:

Governments can build more public sports facilities, organize community events, and provide incentives such as tax deductions for gym memberships. These measures can make sports more accessible and appealing to the public. *(Chính phủ có thể xây thêm nhiều cơ sở*

thể thao công cộng, tổ chức các sự kiện cộng đồng và đưa ra các ưu đãi như giảm thuế cho thẻ thành viên phòng gym. Những biện pháp này có thể giúp thể thao trở nên dễ tiếp cận và hấp dẫn hơn với mọi người.)

## **Chủ đề 15: Dreams & Ambitions (Ước mơ và hoài bão)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. What is your biggest dream? (Ước mơ lớn nhất của bạn là gì?)**

Sample answer:

My biggest dream is to become a respected university lecturer who can inspire and guide students to unlock their full potential in learning English. I imagine myself not just teaching in the classroom, but also mentoring students in their personal growth, which would be incredibly fulfilling. *(Ước mơ lớn nhất của tôi là trở thành một giảng viên đại học có uy tín, có thể truyền cảm hứng và dẫn dắt sinh viên phát huy tối đa tiềm năng của họ trong việc học tiếng Anh. Tôi hình dung mình không chỉ giảng dạy trong lớp học, mà còn là người cố vấn cho sự phát triển cá nhân của sinh viên - điều này sẽ mang lại cho tôi cảm giác mãn nguyện to lớn.)*

#### **2. What do you want to achieve in the future? (Bạn muốn đạt được điều gì trong tương lai?)**

Sample answer:

In the future, I aim to publish research papers in well-recognized academic journals and develop innovative English teaching materials that are practical, engaging, and adaptable to different learning styles. This way, my work can have a wider impact beyond my own classroom. *(Trong tương lai, tôi muốn xuất bản các bài nghiên cứu trên những tạp chí học thuật uy tín và phát triển các tài liệu giảng dạy tiếng Anh sáng tạo, mang tính thực tiễn, thú vị và phù hợp với nhiều phong cách học khác nhau. Như vậy, công việc của tôi có thể tạo ra tác động rộng rãi hơn ngoài phạm vi lớp học của mình.)*

#### **3. Do you think it's important to have dreams? (Bạn có nghĩ việc có ước mơ là quan trọng không?)**

Sample answer:

Absolutely. Having dreams gives people a sense of purpose and acts like a compass that keeps them moving forward, even when life throws curveballs. Without dreams, it's easy to feel lost or unmotivated. *(Chắc chắn rồi. Có ước mơ giúp con người có mục đích sống và*

*giống như một chiếc la bàn luôn hướng họ tiến về phía trước, ngay cả khi cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Không có ước mơ, con người rất dễ cảm thấy lạc lối hoặc mất động lực.)*

**4. How do you plan to achieve your goals? (Bạn dự định sẽ đạt được mục tiêu của mình như thế nào?)**

Sample answer:

I plan to break my goals into smaller, manageable steps and work consistently towards them. As the saying goes, "Rome wasn't built in a day," so I believe perseverance is the key. I'll also seek mentorship from experienced professionals to avoid common mistakes. *(Tôi dự định chia nhỏ mục tiêu thành các bước cụ thể và kiên trì thực hiện từng bước một. Như câu nói "Rome không được xây trong một ngày", tôi tin rằng sự bền bỉ là yếu tố then chốt. Tôi cũng sẽ tìm kiếm sự cố vấn từ những chuyên gia có kinh nghiệm để tránh những sai lầm thường gặp.)*

**3. Have your ambitions changed over time? (Ước mơ của bạn có thay đổi theo thời gian không?)**

Sample answer:

Yes, they have. When I was a child, I dreamed of becoming a singer, but as I matured, I realized my true passion lies in education and helping others succeed. It's like I've found a calling that perfectly matches my strengths. *(Có chứ. Khi còn nhỏ, tôi từng mơ trở thành ca sĩ, nhưng khi trưởng thành, tôi nhận ra đam mê thực sự của mình là trong lĩnh vực giáo dục và giúp người khác thành công. Giống như tôi đã tìm thấy tiếng gọi phù hợp hoàn hảo với thể mạnh của bản thân.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe an ambition you have had for a long time. You should say: *(Miêu tả một hoài bão bạn đã có từ lâu. Bạn nên nói:)*

- What the ambition is *(Hoài bão đó là gì)*
- How long you have had it *(Bạn đã có hoài bão này bao lâu)*
- How you plan to achieve it *(Bạn dự định đạt được nó như thế nào)*
- And explain why this ambition is important to you *(Và giải thích tại sao nó quan trọng với bạn)*

Sample answer:

One of my lifelong ambitions is to earn a PhD in Applied Linguistics. I've held this dream since my final year of university, when I discovered how much I enjoyed conducting research and exploring new methods to enhance language learning. To achieve this, I'm currently focusing on building a strong academic profile through publications, attending conferences, and networking with experts in the field. This ambition matters deeply to me because it's not only about personal growth but also about contributing valuable knowledge to the education sector.

*(Một trong những hoài bão lớn nhất của tôi là lấy được bằng Tiến sĩ Ngôn ngữ học Ứng dụng. Tôi đã nuôi dưỡng ước mơ này từ năm cuối đại học, khi nhận ra mình rất yêu thích việc nghiên cứu và khám phá các phương pháp mới để nâng cao hiệu quả học ngôn ngữ. Để đạt được điều này, hiện tại tôi tập trung xây dựng hồ sơ học thuật vững chắc thông qua việc công bố nghiên cứu, tham dự hội thảo và kết nối với các chuyên gia trong lĩnh vực. Hoài bão này có ý nghĩa đặc biệt với tôi bởi nó không chỉ liên quan đến sự phát triển cá nhân mà còn góp phần mang lại kiến thức giá trị cho ngành giáo dục.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do some people give up on their dreams? (Tại sao một số người từ bỏ ước mơ của họ?)**

Sample answer:

Some people give up because they face insurmountable challenges, such as financial constraints or lack of support from their surroundings. Others may lose interest over time or change their priorities when life circumstances shift. As they say, "Life happens," and sometimes people take a different path. *(Một số người từ bỏ ước mơ vì họ phải đối mặt với những thử thách tưởng chừng không thể vượt qua, chẳng hạn như khó khăn tài chính hoặc thiếu sự ủng hộ từ những người xung quanh. Một số khác có thể mất hứng thú theo thời gian hoặc thay đổi ưu tiên khi hoàn cảnh sống thay đổi. Như câu nói, "Cuộc sống là thế", đôi khi con người sẽ rẽ sang một hướng đi khác.)*

**2. Do you think society affects people's ambitions? (Bạn có nghĩ xã hội ảnh hưởng đến hoài bão của con người không?)**

Sample answer:

Yes, to a large extent. Society shapes what is considered a "successful" or "respectable" career, and this can influence people's choices. For example, in many cultures, jobs in medicine or engineering are highly valued, so young people might pursue them even if their

passions lie elsewhere. (Có, và ảnh hưởng này khá lớn. Xã hội định hình thế nào là một nghề nghiệp “thành công” hay “đáng tôn trọng”, và điều này có thể tác động đến lựa chọn của mỗi người. Ví dụ, ở nhiều nền văn hóa, các công việc trong ngành y hoặc kỹ thuật được đánh giá cao, nên giới trẻ có thể theo đuổi chúng ngay cả khi đam mê của họ nằm ở lĩnh vực khác.)

**3. Should children be encouraged to dream big? (Trẻ em có nên được khuyến khích mơ ước lớn không?)**

Sample answer:

Absolutely. Dreaming big helps children develop creativity, ambition, and resilience. Even if they don't reach the exact goal they imagined, the journey itself will equip them with valuable life skills and experiences. As the saying goes, “Shoot for the moon. Even if you miss, you'll land among the stars.” (Chắc chắn rồi. Mơ ước lớn giúp trẻ phát triển sự sáng tạo, hoài bão và khả năng kiên cường. Ngay cả khi không đạt được mục tiêu đúng như tưởng tượng, hành trình đó vẫn trang bị cho các em những kỹ năng và trải nghiệm quý giá trong cuộc sống. Như câu nói, “Hãy nhắm tới mặt trăng. Ngay cả khi bỏ lỡ, bạn vẫn hạ cánh giữa các vì sao.”)

## **Chủ đề 16: Clothes and Fashion (Trang phục và Thời trang)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What kind of clothes do you usually wear? (Bạn thường mặc loại quần áo nào?)**

Sample answer:

I usually go for comfortable yet presentable clothes, like cotton shirts and well-fitted jeans, because they suit both casual and semi-formal occasions. I believe that dressing appropriately can leave a positive impression on others. (Tôi thường chọn quần áo thoải mái nhưng gọn gàng, chẳng hạn như áo sơ mi cotton và quần jean vừa vặn, vì chúng phù hợp cho cả dịp bình thường lẫn bán trang trọng. Tôi tin rằng ăn mặc phù hợp có thể để lại ấn tượng tích cực với người khác.)

**2. Do you think fashion is important? (Bạn có nghĩ thời trang quan trọng không?)**

Sample answer:

Yes, I think fashion plays a significant role in self-expression and confidence. Wearing clothes that reflect your personality can make you feel more comfortable in your own skin and help you stand out in a crowd. (Vâng, tôi nghĩ thời trang đóng vai trò quan trọng trong

việc thể hiện bản thân và sự tự tin. Mặc những bộ quần áo phản ánh cá tính của bạn có thể khiến bạn cảm thấy thoải mái hơn với chính mình và giúp bạn nổi bật giữa đám đông.)

**3. Where do you usually buy your clothes? (Bạn thường mua quần áo ở đâu?)**

Sample answer:

I usually shop at local boutiques or online stores because they offer a variety of designs at reasonable prices. Sometimes, I also visit branded stores when I want high-quality items that last longer. (Tôi thường mua ở các cửa hàng địa phương hoặc cửa hàng trực tuyến vì họ cung cấp nhiều mẫu thiết kế với giá hợp lý. Thỉnh thoảng, tôi cũng đến cửa hàng thương hiệu khi muốn mua những món đồ chất lượng cao và bền lâu.)

**4. Have your clothing preferences changed over time? (Sở thích quần áo của bạn đã thay đổi theo thời gian chưa?)**

Sample answer:

Absolutely. When I was younger, I preferred trendy and eye-catching outfits, but now I lean towards timeless and practical styles. I guess maturity has influenced my choices. (Chắc chắn rồi. Khi còn trẻ, tôi thích những bộ đồ hợp mốt và bắt mắt, nhưng bây giờ tôi thiên về phong cách cổ điển và thực tế hơn. Tôi đoán sự trưởng thành đã ảnh hưởng đến lựa chọn của mình.)

**5. What do you think about school uniforms? (Bạn nghĩ gì về đồng phục học sinh?)**

Sample answer:

I think school uniforms promote equality among students and save time deciding what to wear. However, it's also important to allow some flexibility so students can express their individuality. (Tôi nghĩ đồng phục giúp tạo sự bình đẳng giữa học sinh và tiết kiệm thời gian chọn trang phục. Tuy nhiên, cũng cần có chút linh hoạt để học sinh thể hiện cá tính của mình.)

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe your favourite item of clothing. Miêu tả món đồ quần áo yêu thích của bạn.

You should say:

- What it is (*Món đồ đó là gì*)
- Where you got it (*Bạn mua nó ở đâu*)
- How often you wear it (*Bao lâu bạn mặc món đồ đó một lần*)

- And explain why it is your favourite (*Và giải thích vì sao bạn thích món đồ đó*)

I would like to talk about my navy blue blazer, which is by far my favourite clothing item. I bought it two years ago from a local boutique when I needed something smart for a university presentation. I wear it on various occasions, such as job interviews, formal meetings, and even casual gatherings when I want to look a bit more polished. What I love most about it is its versatility, it can be paired with trousers for a formal look or with jeans for a smart-casual style. Besides, the fabric is comfortable and doesn't wrinkle easily, which is a lifesaver when I'm in a rush. This blazer has boosted my confidence on many important days, so it holds both practical and sentimental value for me.

*(Tôi muốn nói về chiếc áo blazer màu xanh navy, món đồ yêu thích nhất của tôi. Tôi mua nó cách đây hai năm ở một cửa hàng địa phương khi cần thứ gì đó chỉnh tề cho buổi thuyết trình đại học. Tôi mặc nó trong nhiều dịp khác nhau như phỏng vấn xin việc, các cuộc họp trang trọng và thậm chí cả những buổi tụ tập bạn bè khi muốn trông chín chu hơn. Điều tôi thích nhất ở nó là sự đa dụng, có thể phối với quần tây để tạo phong cách trang trọng hoặc với quần jean cho kiểu smart-casual. Ngoài ra, chất liệu vải thoải mái và không dễ nhăn, điều này thực sự cứu cánh khi tôi vội. Chiếc blazer này đã giúp tôi tự tin hơn trong nhiều ngày quan trọng, vì vậy nó có giá trị cả về mặt thực tế lẫn tình cảm đối với tôi.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How do people in your country usually decide what clothes to buy?** (*Người ở đất nước bạn thường quyết định mua quần áo như thế nào?*)

Sample answer:

In my country, people's choices are often influenced by affordability, comfort, and current fashion trends. Many also consider the occasion, whether the clothes are for work, special events, or daily wear. (*Ở đất nước tôi, lựa chọn quần áo thường bị ảnh hưởng bởi giá cả, sự thoải mái và xu hướng thời trang hiện tại. Nhiều người cũng cân nhắc đến dịp sử dụng, quần áo để đi làm, dịp sự kiện đặc biệt hay mặc hàng ngày.*)

**2. Is it important for people to follow fashion trends?** (*Có quan trọng để mọi người chạy theo xu hướng thời trang không?*)

Sample answer:

Not necessarily. While following trends can help you look modern, it's more important to choose clothes that suit your body shape, lifestyle, and personality. Blindly following fashion

can lead to wasteful spending. *(Không hẳn. Mặc dù chạy theo xu hướng có thể giúp bạn trông hiện đại, nhưng điều quan trọng hơn là chọn quần áo phù hợp với vóc dáng, lối sống và cá tính của bạn. Chạy theo thời trang một cách mù quáng có thể dẫn đến việc chi tiêu lãng phí.)*

**3. How has people's attitude towards fashion changed in recent years? (Thái độ của mọi người đối với thời trang đã thay đổi thế nào trong những năm gần đây?)**

Sample answer:

I think people have become more conscious of sustainable fashion. Many prefer eco-friendly fabrics and second-hand clothes to reduce their carbon footprint. At the same time, online shopping has made fashion more accessible. *(Tôi nghĩ mọi người đã ý thức hơn về thời trang bền vững. Nhiều người thích vải thân thiện với môi trường và quần áo đã qua sử dụng để giảm dấu chân carbon. Đồng thời, mua sắm trực tuyến cũng khiến thời trang trở nên dễ tiếp cận hơn.)*

## **Chủ đề 17: Weather (Thời tiết)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What's the weather like in your hometown? (Thời tiết ở quê bạn như thế nào?)**

Sample answer:

The weather in my hometown is generally warm and humid throughout the year, with a distinct rainy season from May to October. I find the climate quite pleasant most of the time, although the heavy rains can sometimes disrupt daily activities. *(Thời tiết ở quê tôi thường ẩm áp và ẩm ướt quanh năm, với mùa mưa rõ rệt từ tháng 5 đến tháng 10. Tôi thấy khí hậu khá dễ chịu hầu hết thời gian, mặc dù những cơn mưa lớn đôi khi làm gián đoạn các hoạt động hàng ngày.)*

**2. Do you prefer hot or cold weather? Why? (Bạn thích thời tiết nóng hay lạnh? Tại sao?)**

Sample answer:

I prefer cooler weather because it feels more refreshing and allows me to be more active outdoors without feeling exhausted. However, I must admit that a little sunshine now and then can really lift my spirits. *(Tôi thích thời tiết mát mẻ hơn vì nó mang lại cảm giác dễ chịu và giúp tôi hoạt động ngoài trời năng động hơn mà không bị mệt mỏi. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng một chút ánh nắng thỉnh thoảng cũng khiến tâm trạng tôi tốt hơn.)*

**3. How does the weather affect your mood?** (*Thời tiết ảnh hưởng đến tâm trạng của bạn như thế nào?*)

Sample answer:

Weather has a noticeable impact on my mood. Sunny days usually make me feel energetic and optimistic, while gloomy, rainy days can make me a bit lethargic. That said, I try not to let the weather dictate my productivity. (*Thời tiết có ảnh hưởng rõ rệt đến tâm trạng của tôi. Những ngày nắng thường khiến tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng và lạc quan, trong khi những ngày u ám, mưa gió có thể khiến tôi hơi uể oải. Dù vậy, tôi cố gắng không để thời tiết quyết định năng suất của mình.*)

**4. What do you usually do on rainy days?** (*Bạn thường làm gì vào những ngày mưa?*)

Sample answer:

On rainy days, I tend to stay indoors, read books, or watch movies. It's also the perfect time to enjoy a warm cup of tea and just relax. (*Vào những ngày mưa, tôi thường ở trong nhà, đọc sách hoặc xem phim. Đây cũng là thời điểm tuyệt vời để thưởng thức một tách trà nóng và thư giãn.*)

**5. Do you check the weather forecast every day?** (*Bạn có kiểm tra dự báo thời tiết hàng ngày không?*)

Sample answer:

Yes, I usually check the weather forecast every morning before leaving for work. It helps me plan my outfit and activities, especially if I need to commute or have outdoor appointments. (*Có, tôi thường kiểm tra dự báo thời tiết mỗi sáng trước khi đi làm. Điều này giúp tôi lên kế hoạch cho trang phục và các hoạt động, đặc biệt nếu tôi phải di chuyển hoặc có lịch hẹn ngoài trời.*)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe your favourite type of weather. You should say: (*Mô tả loại thời tiết bạn yêu thích nhất. Bạn nên nói:*)

- what it is (*Đó là loại thời tiết gì*)
- when this weather usually occurs (*Thời tiết này thường xảy ra khi nào*)
- what you usually do in this weather (*Bạn thường làm gì trong thời tiết này*)

- and explain why you like this type of weather (*Và giải thích lý do bạn thích loại thời tiết này*)

Sample answer:

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think climate change is affecting the weather in your country? (*Bạn có nghĩ biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng đến thời tiết ở đất nước bạn không?*)**

Sample answer:

Yes, I believe climate change is having a significant impact on our weather patterns. In recent years, summers have become hotter, storms more intense, and the rainy season less predictable. These changes are affecting agriculture, health, and even the economy. (*Có, tôi tin rằng biến đổi khí hậu đang tác động mạnh đến các kiểu thời tiết của đất nước tôi. Những năm gần đây, mùa hè trở nên nóng hơn, bão mạnh hơn và mùa mưa thì khó dự đoán hơn. Những thay đổi này đang ảnh hưởng đến nông nghiệp, sức khỏe và thậm chí cả nền kinh tế.*)

**2. How important is it for people to adapt to changing weather conditions? (*Việc con người thích ứng với điều kiện thời tiết thay đổi quan trọng đến mức nào?*)**

Sample answer:

It is extremely important because failing to adapt could result in serious consequences, such as health problems or economic losses. For example, farmers need to adjust their planting schedules to cope with shifting rainfall patterns. (*Điều này vô cùng quan trọng vì nếu không thích ứng có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, như vấn đề sức khỏe hoặc thiệt hại kinh tế. Ví dụ, nông dân cần điều chỉnh lịch gieo trồng để đối phó với sự thay đổi của lượng mưa.*)

**3. What can governments do to help people deal with extreme weather? (*Chính phủ có thể làm gì để giúp người dân đối phó với thời tiết khắc nghiệt?*)**

Sample answer

Governments can invest in better infrastructure, provide early warning systems, and educate the public on how to stay safe during extreme weather events. Additionally, implementing policies to reduce carbon emissions can help mitigate long-term climate risks. (*Chính phủ có thể đầu tư vào cơ sở hạ tầng tốt hơn, cung cấp hệ thống cảnh báo sớm và giáo dục cộng*

đồng về cách đảm bảo an toàn trong các hiện tượng thời tiết cực đoan. Ngoài ra, việc thực hiện các chính sách giảm khí thải carbon có thể giúp giảm thiểu rủi ro khí hậu lâu dài.)

## **Chủ đề 18: Technology in Education (Công nghệ trong giáo dục)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. How has technology changed the way students learn? (Công nghệ đã thay đổi cách học của sinh viên như thế nào?)**

Sample answer:

Technology has revolutionized learning by making information more accessible and interactive. For example, students can use online platforms to watch lectures, participate in virtual discussions, and take quizzes instantly. This not only saves time but also caters to different learning styles. *(Công nghệ đã cách mạng hóa việc học bằng cách khiến thông tin trở nên dễ tiếp cận và tương tác hơn. Ví dụ, sinh viên có thể sử dụng các nền tảng trực tuyến để xem bài giảng, tham gia thảo luận ảo và làm bài kiểm tra ngay lập tức. Điều này không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn đáp ứng được nhiều phong cách học khác nhau.)*

**2. Do you use any online learning platforms? (Bạn có sử dụng nền tảng học trực tuyến nào không?)**

Sample answer:

Yes, I regularly use platforms like Coursera and Khan Academy to take short courses on various topics. These platforms allow me to learn at my own pace and revisit the materials whenever I need to. *(Có, tôi thường xuyên sử dụng các nền tảng như Coursera và Khan Academy để tham gia các khóa học ngắn về nhiều chủ đề khác nhau. Những nền tảng này cho phép tôi học theo tốc độ của riêng mình và xem lại tài liệu bất cứ khi nào cần.)*

**3. What are the advantages of using technology in class? (Những lợi thế của việc sử dụng công nghệ trong lớp học là gì?)**

Sample answer:

One of the biggest advantages is that technology can make lessons more engaging through videos, simulations, and interactive exercises. It also helps teachers monitor students' progress in real time. *(Một trong những lợi thế lớn nhất là công nghệ có thể khiến bài học trở nên sinh động hơn thông qua video, mô phỏng và các bài tập tương tác. Nó cũng giúp giáo viên theo dõi tiến độ học tập của học sinh theo thời gian thực.)*

**4. Do you think traditional classrooms will disappear?** (*Bạn có nghĩ rằng lớp học truyền thống sẽ biến mất không?*)

Sample answer:

I don't think they will disappear entirely because face-to-face interaction is still essential for developing social and communication skills. However, technology will certainly play a bigger role in complementing traditional methods. (*Tôi không nghĩ rằng chúng sẽ biến mất hoàn toàn vì tương tác trực tiếp vẫn rất cần thiết để phát triển kỹ năng xã hội và giao tiếp. Tuy nhiên, công nghệ chắc chắn sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc hỗ trợ cho các phương pháp truyền thống.*)

**5. Should children use tablets instead of textbooks?** (*Trẻ em có nên sử dụng máy tính bảng thay vì sách giáo khoa không?*)

Sample answer:

While tablets are convenient and can store thousands of books, I believe young children should still use printed textbooks to avoid excessive screen time. A balanced approach would be ideal. (*Mặc dù máy tính bảng tiện lợi và có thể lưu trữ hàng nghìn cuốn sách, tôi tin rằng trẻ em vẫn nên sử dụng sách giáo khoa in để tránh thời gian sử dụng màn hình quá mức. Một cách tiếp cận cân bằng sẽ là lý tưởng.*)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a piece of technology that has helped you study or work. You should say: (*Mô tả một thiết bị công nghệ đã giúp bạn học tập hoặc làm việc. Bạn nên nói:*)

- What it is (*Đó là gì*)
- How you use it (*Bạn sử dụng nó như thế nào*)
- How it helps you (*Nó giúp bạn ra sao*)
- And explain why it is useful to you (*Và giải thích tại sao nó hữu ích với bạn*)

Sample answer:

The piece of technology that has been most helpful to me is my laptop. I use it every day to attend online classes, take notes, and conduct research. It's incredibly versatile, allowing me to store important documents, use language-learning software, and even collaborate on

group projects in real time. Without it, my studies would be far less efficient because so much of my academic work depends on digital resources.

*(Thiết bị công nghệ hữu ích nhất với tôi là chiếc máy tính xách tay của mình. Tôi sử dụng nó hàng ngày để tham gia các lớp học trực tuyến, ghi chép và tìm kiếm tài liệu. Nó vô cùng đa năng, cho phép tôi lưu trữ các tài liệu quan trọng, sử dụng phần mềm học ngôn ngữ và thậm chí hợp tác trong các dự án nhóm theo thời gian thực. Nếu không có nó, việc học của tôi sẽ kém hiệu quả hơn rất nhiều vì phần lớn công việc học tập phụ thuộc vào tài nguyên số.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How can technology improve the quality of education?** *(Công nghệ có thể cải thiện chất lượng giáo dục như thế nào?)*

Sample answer:

Technology can improve education by providing personalized learning paths, enabling teachers to tailor lessons to each student's needs. It also allows for more engaging and interactive content, which can enhance motivation and retention. *(Công nghệ có thể cải thiện giáo dục bằng cách cung cấp lộ trình học tập cá nhân hóa, cho phép giáo viên điều chỉnh bài học theo nhu cầu của từng học sinh. Nó cũng cho phép tạo ra nội dung sinh động và tương tác hơn, giúp nâng cao động lực và khả năng ghi nhớ.)*

**2. What are the potential drawbacks of using too much technology in education?** *(Những hạn chế tiềm ẩn của việc sử dụng quá nhiều công nghệ trong giáo dục là gì?)*

Sample answer:

Overreliance on technology may lead to reduced face-to-face communication skills and shorter attention spans among students. It can also widen the gap between those who have access to technology and those who don't. *(Việc phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ có thể dẫn đến giảm kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giảm khả năng tập trung của học sinh. Nó cũng có thể làm gia tăng khoảng cách giữa những người có điều kiện tiếp cận công nghệ và những người không có.)*

**3. Do you think teachers need special training to use technology effectively?** *(Bạn có nghĩ rằng giáo viên cần được đào tạo đặc biệt để sử dụng công nghệ hiệu quả không?)*

Sample answer:

Absolutely. Without proper training, teachers might not be able to integrate technology into their lessons effectively. Training ensures that they can choose the right tools and use them

to enhance, rather than replace, good teaching practices. *(Chắc chắn rồi. Nếu không được đào tạo phù hợp, giáo viên có thể không thể tích hợp công nghệ vào bài giảng một cách hiệu quả. Đào tạo đảm bảo rằng họ có thể chọn đúng công cụ và sử dụng chúng để nâng cao, chứ không thay thế, các phương pháp giảng dạy tốt.)*

## **Chủ đề 19: Art and Creativity (Nghệ thuật và Sáng tạo)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. Are you interested in art? (Bạn có quan tâm đến nghệ thuật không?)**

Sample answer:

Yes, I've always had a deep appreciation for art because it's a powerful way to express emotions and ideas. I often visit art galleries in my free time, and I find it fascinating how each artist has a unique style and perspective. *(Có, tôi luôn dành sự trân trọng đặc biệt cho nghệ thuật vì đó là một cách mạnh mẽ để thể hiện cảm xúc và ý tưởng. Tôi thường ghé thăm các phòng trưng bày nghệ thuật vào thời gian rảnh, và tôi thấy thật thú vị khi mỗi nghệ sĩ đều có phong cách và góc nhìn riêng.)*

#### **2. What kind of art do you enjoy most? (Bạn thích loại hình nghệ thuật nào nhất?)**

Sample answer:

I'm particularly drawn to contemporary art because it often challenges traditional norms and sparks thought-provoking conversations. Pieces that blend different mediums, like painting and digital design, really capture my attention. *(Tôi đặc biệt bị thu hút bởi nghệ thuật đương đại vì nó thường thách thức những chuẩn mực truyền thống và khơi gợi các cuộc trò chuyện đầy suy ngẫm. Những tác phẩm kết hợp nhiều chất liệu khác nhau, như hội họa và thiết kế kỹ thuật số, thật sự gây ấn tượng với tôi.)*

#### **3. Did you learn art at school? (Bạn có học nghệ thuật ở trường không?)**

Sample answer:

Yes, I did. In primary and secondary school, we had basic drawing and music classes. Although the lessons were simple, they helped me appreciate the creative process and develop patience and attention to detail. *(Có, tôi đã học. Ở tiểu học và trung học, chúng tôi có các tiết học vẽ và âm nhạc cơ bản. Mặc dù bài học khá đơn giản, nhưng chúng đã giúp tôi trân trọng quá trình sáng tạo và phát triển sự kiên nhẫn cùng khả năng chú ý đến chi tiết.)*

**4. Do you think art is important for children? (Bạn có nghĩ nghệ thuật quan trọng với trẻ em không?)**

Sample answer:

Definitely. Art encourages children to think outside the box and express themselves without fear of being wrong. It also helps them develop fine motor skills and emotional intelligence. *(Chắc chắn rồi. Nghệ thuật khuyến khích trẻ suy nghĩ sáng tạo và thể hiện bản thân mà không sợ mắc sai lầm. Nó cũng giúp các em phát triển kỹ năng vận động tinh và trí tuệ cảm xúc.)*

**5. Should governments support artists? (Chính phủ có nên hỗ trợ các nghệ sĩ không?)**

Sample answer:

Yes, governments should invest in art because it enriches cultural heritage and can even boost the economy through tourism. Supporting artists also ensures that creative voices are preserved for future generations. *(Có, chính phủ nên đầu tư vào nghệ thuật vì nó làm giàu di sản văn hóa và thậm chí có thể thúc đẩy nền kinh tế thông qua du lịch. Việc hỗ trợ nghệ sĩ cũng đảm bảo rằng những tiếng nói sáng tạo được lưu giữ cho các thế hệ sau.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe an artwork you admire. You should say: *(Mô tả một tác phẩm nghệ thuật mà bạn ngưỡng mộ. Bạn nên nói:)*

- What it is *(Đó là gì)*
- Who created it *(Ai đã tạo ra nó)*
- What it looks like *(Nó trông như thế nào)*
- And explain why you admire it *(Và giải thích tại sao bạn ngưỡng mộ nó)*

Sample answer:

One artwork I truly admire is Starry Night by Vincent van Gogh. It's an oil painting that depicts a dreamy night sky filled with swirling clouds, bright stars, and a glowing moon over a quiet village. I first saw it in an art history book, and later I had the chance to view it in person at the Museum of Modern Art in New York. I admire it because it combines vivid colors with expressive brushstrokes, creating a sense of movement and emotion that few paintings can match. To me, it's a perfect example of turning personal struggles into timeless beauty. *(Một tác phẩm nghệ thuật mà tôi thực sự ngưỡng mộ là Đêm đầy sao của Vincent)*

van Gogh. Đây là một bức tranh sơn dầu mô tả bầu trời đêm mơ mộng với những đám mây xoáy, các ngôi sao sáng rực và vầng trăng tỏa sáng trên một ngôi làng yên bình. Tôi lần đầu nhìn thấy nó trong một cuốn sách lịch sử nghệ thuật, và sau đó đã có cơ hội chiêm ngưỡng trực tiếp tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại ở New York. Tôi ngưỡng mộ nó vì sự kết hợp giữa màu sắc sống động và những nét cọ đầy cảm xúc, tạo ra cảm giác chuyển động và xúc cảm mà ít bức tranh nào sánh được. Với tôi, đây là ví dụ hoàn hảo về việc biến những khó khăn cá nhân thành vẻ đẹp vượt thời gian.)

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

#### **1. How can art influence society? (Nghệ thuật có thể ảnh hưởng đến xã hội như thế nào?)**

Sample answer:

Art can inspire social change by raising awareness about important issues and giving people a new way to see the world. It can challenge stereotypes, promote cultural understanding, and even encourage political movements. (Nghệ thuật có thể truyền cảm hứng cho sự thay đổi xã hội bằng cách nâng cao nhận thức về các vấn đề quan trọng và mang đến cho con người một cách nhìn mới về thế giới. Nó có thể thách thức định kiến, thúc đẩy sự hiểu biết văn hóa và thậm chí khuyến khích các phong trào chính trị.)

#### **2. Do you think everyone can become an artist? (Bạn có nghĩ ai cũng có thể trở thành nghệ sĩ không?)**

Sample answer:

I believe everyone has some level of creativity, but becoming a professional artist requires not only talent but also dedication, practice, and resilience. It's like the saying goes, "Genius is 1% inspiration and 99% perspiration." (Tôi tin rằng ai cũng có một mức độ sáng tạo nhất định, nhưng để trở thành nghệ sĩ chuyên nghiệp thì cần không chỉ có tài năng mà còn phải có sự cống hiến, luyện tập và kiên trì. Như câu nói nổi tiếng, "Thiên tài là 1% cảm hứng và 99% mồ hôi công sức.")

#### **3. Should art be a compulsory subject in schools? (Nghệ thuật có nên là môn bắt buộc trong trường học không?)**

Sample answer:

Yes, because art nurtures creativity and problem-solving skills, which are valuable in all areas of life. Even if students don't pursue art as a career, these skills will benefit them in many ways. (Có, vì nghệ thuật nuôi dưỡng sự sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề, vốn rất

quý giá trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Ngay cả khi học sinh không theo đuổi nghệ thuật như một nghề nghiệp, những kỹ năng này vẫn sẽ mang lại nhiều lợi ích.)

## **Chủ đề 20: Daily Routine (Thói quen hằng ngày)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **1. What's your typical daily routine? (Thói quen hằng ngày của bạn như thế nào?)**

Sample answer:

On weekdays, I usually start my day at around 6:30 a.m. with a light workout and breakfast. Then, I either head to work or study, depending on my schedule. In the evening, I spend some time reading or watching educational videos before going to bed. I try to stick to this routine because it keeps me productive and balanced. (Vào các ngày trong tuần, tôi thường bắt đầu ngày mới vào khoảng 6 giờ 30 sáng với một bài tập thể dục nhẹ và bữa sáng. Sau đó, tôi đi làm hoặc học, tùy vào lịch trình. Buổi tối, tôi dành thời gian đọc sách hoặc xem các video giáo dục trước khi đi ngủ. Tôi cố gắng duy trì thói quen này vì nó giúp tôi làm việc hiệu quả và giữ cân bằng.)

#### **2. What part of your day do you enjoy the most? (Bạn thích nhất khoảng thời gian nào trong ngày?)**

Sample answer:

I enjoy early mornings the most because the world feels calm and quiet, and I can focus on my tasks without distractions. It's the perfect time to get a head start and set a positive tone for the rest of the day. (Tôi thích nhất là buổi sáng sớm vì lúc đó thế giới thật yên bình và tĩnh lặng, và tôi có thể tập trung vào công việc mà không bị phân tâm. Đây là thời điểm lý tưởng để khởi đầu và tạo tinh thần tích cực cho cả ngày.)

#### **3. Has your routine changed recently? (Thói quen của bạn gần đây có thay đổi không?)**

Sample answer:

Yes, it has. I used to stay up late and wake up late, but recently I've shifted to going to bed earlier and waking up at sunrise. This change has made me feel more energetic and productive throughout the day. (Có. Trước đây tôi thường thức khuya và dậy muộn, nhưng gần đây tôi đã chuyển sang đi ngủ sớm và thức dậy lúc bình minh. Sự thay đổi này khiến tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng và làm việc hiệu quả hơn suốt cả ngày.)

#### **4. What do you usually do on weekends? (Bạn thường làm gì vào cuối tuần?)**

Sample answer:

On weekends, I like to catch up on rest, spend time with friends, and sometimes go on short trips. It's also when I do hobbies like cooking or photography to recharge my batteries. *(Vào cuối tuần, tôi thường nghỉ ngơi để lấy lại sức, dành thời gian cho bạn bè và đôi khi đi du lịch ngắn ngày. Đây cũng là lúc tôi thực hiện các sở thích như nấu ăn hoặc chụp ảnh để " nạp lại năng lượng.")*

**5. Do you prefer having a fixed schedule or a flexible one? (Bạn thích có lịch trình cố định hay linh hoạt hơn?)**

Sample answer:

I prefer a mix of both. Having a fixed schedule helps me stay organized, but I also like some flexibility to deal with unexpected events or opportunities. *(Tôi thích sự kết hợp của cả hai. Có lịch trình cố định giúp tôi giữ ngăn nắp, nhưng tôi cũng muốn có chút linh hoạt để xử lý những sự kiện hoặc cơ hội bất ngờ.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a typical day in your life. You should say: *(Mô tả một ngày điển hình trong cuộc sống của bạn. Bạn nên nói:)*

- What you usually do *(Bạn thường làm gì)*
- When you do it *(Khi nào bạn làm)*
- Who you spend your day with *(Bạn dành ngày hôm đó với ai)*
- And explain why you follow this routine *(Và giải thích tại sao bạn theo thói quen này)*

Sample answer:

A typical day for me starts at 6:30 a.m. with a short yoga session, followed by a healthy breakfast. By 8 a.m., I'm either at work or in class, focusing on my tasks until lunchtime. In the afternoon, I often attend meetings or work on projects. Evenings are reserved for personal activities, like reading or going for a walk. I follow this routine because it gives me structure, helps me manage my time wisely, and ensures I have a healthy work-life balance. *(Một ngày điển hình của tôi bắt đầu lúc 6 giờ 30 sáng với một buổi tập yoga ngắn, sau đó là bữa sáng lành mạnh. Đến 8 giờ sáng, tôi thường có mặt ở nơi làm việc hoặc lớp học, tập trung vào công việc cho đến giờ ăn trưa. Buổi chiều, tôi thường tham dự các cuộc họp hoặc làm việc với các dự án. Buổi tối dành cho các hoạt động cá nhân, như đọc sách hoặc đi dạo.)*

*Tôi theo thói quen này vì nó mang lại cấu trúc cho ngày làm việc, giúp tôi quản lý thời gian hợp lý và đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do people's routines differ on weekdays and weekends?** *(Thói quen của mọi người có khác nhau giữa ngày trong tuần và cuối tuần không?)*

Sample answer:

Absolutely. On weekdays, most people follow a structured routine centered around work or school, while weekends are more relaxed and allow for leisure activities, family time, and personal hobbies. *(Chắc chắn rồi. Vào các ngày trong tuần, hầu hết mọi người theo một lịch trình có tổ chức xoay quanh công việc hoặc học tập, trong khi cuối tuần thì thoải mái hơn và dành cho các hoạt động giải trí, thời gian cho gia đình và sở thích cá nhân.)*

**2. How important is it to have a daily routine?** *(Việc có thói quen hằng ngày quan trọng đến mức nào?)*

Sample answer:

It's very important because a routine provides stability and helps people use their time effectively. It can also reduce stress, as you don't have to constantly make decisions about what to do next. *(Rất quan trọng vì một thói quen mang lại sự ổn định và giúp mọi người sử dụng thời gian hiệu quả. Nó cũng có thể giảm căng thẳng, vì bạn không phải liên tục đưa ra quyết định về việc làm gì tiếp theo.)*

**3. Do you think modern lifestyles make it harder to maintain routines?** *(Bạn có nghĩ lối sống hiện đại khiến việc duy trì thói quen trở nên khó khăn hơn không?)*

Sample answer:

Yes, because technology, social events, and unpredictable work demands can easily disrupt routines. However, with self-discipline and good time management, it's still possible to maintain a healthy daily pattern. *(Có, vì công nghệ, các sự kiện xã hội và yêu cầu công việc khó đoán có thể dễ dàng làm gián đoạn thói quen. Tuy nhiên, với kỷ luật bản thân và kỹ năng quản lý thời gian tốt, vẫn có thể duy trì một thói quen hằng ngày lành mạnh.)*

## **Chủ đề 21: Shopping (Mua sắm)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you enjoy shopping?** *(Bạn có thích mua sắm không?)*

Sample answer:

Yes, I do. For me, shopping is not only about buying things but also a way to relax and unwind after a long week. I especially enjoy browsing through bookshops or small boutique stores, as I find it quite therapeutic. *(Có chứ. Với tôi, mua sắm không chỉ đơn thuần là mua đồ mà còn là cách thư giãn và giải tỏa sau một tuần dài. Tôi đặc biệt thích dạo quanh các hiệu sách hoặc cửa hàng nhỏ, vì điều đó giúp tôi cảm thấy thư thái.)*

**2. How often do you go shopping? (Bạn thường đi mua sắm bao lâu một lần?)**

Sample answer:

I usually go shopping about once or twice a month for essential items. However, if there are sales or special discounts, I might go more often. I try to avoid impulse buying and focus on things I truly need. *(Tôi thường đi mua sắm khoảng một hoặc hai lần một tháng cho những món đồ thiết yếu. Tuy nhiên, nếu có chương trình giảm giá hoặc khuyến mãi đặc biệt, tôi có thể đi thường xuyên hơn. Tôi cố tránh mua sắm bốc đồng và chỉ tập trung vào những thứ mình thật sự cần.)*

**3. Do you prefer shopping alone or with others? (Bạn thích mua sắm một mình hay cùng người khác?)**

Sample answer:

I prefer shopping with close friends or family because it's more fun and we can give each other opinions before buying something. But when I'm on a mission to buy something specific, I'd rather shop alone so I can be more efficient. *(Tôi thích mua sắm cùng bạn bè thân hoặc gia đình vì nó vui hơn và chúng tôi có thể góp ý cho nhau trước khi mua. Nhưng khi tôi muốn mua một món cụ thể, tôi thích đi một mình để hiệu quả hơn.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a memorable shopping experience. You should say: *(Miêu tả một trải nghiệm mua sắm đáng nhớ của bạn. Bạn nên nói:)*

- When and where it happened *(Khi nào và ở đâu)*
- What you bought *(Bạn đã mua gì)*
- Who you were with *(Bạn đi cùng ai)*
- And explain why it was memorable *(Và giải thích tại sao nó đáng nhớ)*

Sample answer:

One of my most memorable shopping experiences happened about two years ago when I went to a weekend market in Bangkok with my best friend. The market was huge and full of vibrant stalls selling clothes, handicrafts, and street food. We spent hours exploring and bargaining with the local vendors. I remember buying a handmade leather bag at a very reasonable price after some friendly negotiation, it felt like a small victory. What made it unforgettable was the lively atmosphere, the delicious street snacks we tried, and the joy of finding unique items that you can't get anywhere else. It was truly a perfect blend of shopping and cultural discovery.

*(Một trong những trải nghiệm mua sắm đáng nhớ nhất của tôi diễn ra cách đây khoảng hai năm khi tôi đến một khu chợ cuối tuần ở Bangkok cùng bạn thân. Khu chợ rất lớn và đầy những gian hàng sôi động bán quần áo, đồ thủ công và đồ ăn đường phố. Chúng tôi dành hàng giờ khám phá và mặc cả với những người bán hàng địa phương. Tôi nhớ đã mua một chiếc túi da thủ công với giá rất hợp lý sau một cuộc mặc cả thân thiện, cảm giác như một chiến thắng nho nhỏ. Điều khiến trải nghiệm này khó quên là bầu không khí náo nhiệt, những món ăn vặt ngon miệng và niềm vui khi tìm thấy những món độc đáo mà bạn không thể mua ở nơi nào khác. Đó thực sự là sự kết hợp hoàn hảo giữa mua sắm và khám phá văn hóa.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How has shopping changed in recent years?** *(Mua sắm đã thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?)*

Sample answer:

Shopping has changed dramatically with the rise of e-commerce. Nowadays, people can shop from the comfort of their homes, compare prices instantly, and have items delivered to their doorstep. Physical stores are still popular, but they now have to offer better customer experiences to compete with online platforms. *(Mua sắm đã thay đổi đáng kể với sự phát triển của thương mại điện tử. Ngày nay, mọi người có thể mua hàng ngay tại nhà, so sánh giá tức thì và nhận hàng tận nơi. Các cửa hàng truyền thống vẫn phổ biến, nhưng giờ họ phải mang lại trải nghiệm khách hàng tốt hơn để cạnh tranh với các nền tảng trực tuyến.)*

**2. Do you think people buy things they don't need?** *(Bạn có nghĩ mọi người thường mua những thứ họ không cần không?)*

Sample answer:

Absolutely. Many people fall into the trap of impulse buying, especially when exposed to persuasive advertising or limited-time offers. It's a common human tendency to equate buying with happiness, even if the purchase is unnecessary. *(Chắc chắn rồi. Nhiều người rơi vào cái bẫy mua sắm bốc đồng, đặc biệt khi bị tác động bởi quảng cáo hấp dẫn hoặc khuyến mãi có thời hạn. Đây là xu hướng phổ biến khi con người thường gắn việc mua sắm với cảm giác hạnh phúc, ngay cả khi món hàng đó không thật sự cần thiết.)*

**3. How can governments encourage people to shop more sustainably?** *(Chính phủ có thể khuyến khích mọi người mua sắm bền vững hơn bằng cách nào?)*

Sample answer:

Governments can promote sustainable shopping by offering tax incentives for eco-friendly products, supporting local businesses, and running awareness campaigns about the environmental impact of consumerism. Education is key, as informed consumers are more likely to make responsible choices. *(Chính phủ có thể thúc đẩy mua sắm bền vững bằng cách đưa ra ưu đãi thuế cho các sản phẩm thân thiện môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương và triển khai các chiến dịch nâng cao nhận thức về tác động môi trường của chủ nghĩa tiêu dùng. Giáo dục là yếu tố then chốt, vì người tiêu dùng có hiểu biết sẽ có xu hướng đưa ra lựa chọn có trách nhiệm hơn.)*

## **Chủ đề 22: Sports and Exercise (Thể thao và Tập luyện)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you enjoy playing sports?** *(Bạn có thích chơi thể thao không?)*

Sample answer:

Yes, I do. Playing sports helps me stay fit, release stress, and maintain a balanced lifestyle. I particularly enjoy badminton because it's both a good workout and a fun way to connect with friends. *(Có chứ. Chơi thể thao giúp tôi giữ dáng, giải tỏa căng thẳng và duy trì lối sống cân bằng. Tôi đặc biệt thích cầu lông vì nó vừa giúp rèn luyện sức khỏe, vừa là cách thú vị để kết nối với bạn bè.)*

**2. How often do you exercise?** *(Bạn tập thể dục bao lâu một lần?)*

Sample answer:

I try to exercise at least three times a week. Sometimes it's a gym workout, but on busy days I go for a brisk walk or do yoga at home. I believe that consistency is more important than intensity when it comes to building a healthy habit. *(Tôi cố gắng tập thể dục ít nhất ba lần một tuần. Đôi khi là tập gym, nhưng vào những ngày bận rộn tôi sẽ đi bộ nhanh hoặc tập)*

*yoga tại nhà. Tôi tin rằng sự đều đặn quan trọng hơn cường độ khi xây dựng một thói quen lành mạnh.)*

**3. What sports are popular in your country?** (Những môn thể thao nào phổ biến ở đất nước bạn?)

Sample answer:

Football is by far the most popular sport in my country, as it brings people together and creates a strong sense of community. Besides that, badminton and swimming are also widely enjoyed, especially among young people. (Bóng đá chắc chắn là môn thể thao phổ biến nhất ở đất nước tôi, vì nó gắn kết mọi người và tạo ra tinh thần cộng đồng mạnh mẽ. Ngoài ra, cầu lông và bơi lội cũng rất được yêu thích, đặc biệt là trong giới trẻ.)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a sport you would like to learn. You should say: (Miêu tả một môn thể thao bạn muốn học. Bạn nên nói:)

- What it is (Đó là môn gì)
- How you would learn it (Bạn sẽ học nó như thế nào)
- What equipment is needed (Cần dụng cụ gì)
- And explain why you would like to learn it (Và giải thích tại sao bạn muốn học nó)

Sample answer:

One sport I would love to learn is tennis. I've always been fascinated by how professional players move so swiftly across the court and deliver powerful shots with precision. To learn it, I would probably take lessons at a local sports center, starting with the basics like grip, stance, and footwork. I'd also need some essential equipment such as a good-quality racket, tennis balls, and comfortable sportswear. The main reason I want to learn tennis is that it's a full-body workout that improves both physical fitness and mental focus. Moreover, it's a social sport, meaning I could meet new people and even take part in friendly matches. As the saying goes, "All work and no play makes Jack a dull boy," so having a sport I enjoy would be a great way to strike a balance in life.

*(Một môn thể thao mà tôi rất muốn học là tennis. Tôi luôn bị cuốn hút bởi cách các tay vợt chuyên nghiệp di chuyển nhanh nhẹn trên sân và đánh những cú bóng mạnh mẽ, chính xác. Để học, tôi có lẽ sẽ tham gia các buổi học ở trung tâm thể thao gần nhà, bắt đầu từ những kỹ thuật cơ bản như cách cầm vợt, tư thế và di chuyển chân. Tôi cũng sẽ cần một số dụng*

cụ thiết yếu như vợt chất lượng tốt, bóng tennis và trang phục thể thao thoải mái. Lý do chính khiến tôi muốn học tennis là vì nó là một bài tập toàn thân giúp cải thiện cả thể lực và sự tập trung tinh thần. Hơn nữa, đây là môn thể thao mang tính xã hội, nghĩa là tôi có thể gặp gỡ nhiều người mới và thậm chí tham gia các trận đấu giao hữu. Như câu nói “Chỉ làm mà không chơi thì Jack sẽ trở nên tẻ nhạt,” việc có một môn thể thao yêu thích sẽ là cách tuyệt vời để cân bằng cuộc sống.)

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think children should be encouraged to play sports? (Bạn có nghĩ trẻ em nên được khuyến khích chơi thể thao không?)**

Sample answer:

Definitely. Playing sports teaches children discipline, teamwork, and resilience, which are valuable life skills. It also helps them develop healthy habits from a young age, which can prevent lifestyle-related diseases later on. (Chắc chắn rồi. Chơi thể thao giúp trẻ học được tính kỷ luật, tinh thần đồng đội và khả năng kiên cường – những kỹ năng sống quý giá. Nó cũng giúp trẻ hình thành thói quen lành mạnh từ nhỏ, có thể ngăn ngừa các bệnh liên quan đến lối sống sau này.)

**2. How has technology influenced the way people exercise? (Công nghệ đã ảnh hưởng đến cách mọi người tập thể dục như thế nào?)**

Sample answer:

Technology has revolutionized exercise routines. Fitness apps, wearable devices, and online workout videos make it easier for people to track their progress and stay motivated. However, some argue that people are becoming too dependent on gadgets instead of listening to their own bodies. (Công nghệ đã làm thay đổi hoàn toàn thói quen tập luyện. Các ứng dụng thể dục, thiết bị đeo thông minh và video tập luyện trực tuyến giúp mọi người dễ dàng theo dõi tiến trình và duy trì động lực. Tuy nhiên, một số người cho rằng con người đang phụ thuộc quá nhiều vào thiết bị thay vì lắng nghe cơ thể mình.)

**3. Should governments invest more in sports facilities? (Chính phủ có nên đầu tư nhiều hơn vào cơ sở vật chất thể thao không?)**

Sample answer:

Yes, because accessible sports facilities can encourage more people to be physically active. This not only improves public health but also reduces healthcare costs in the long run. It's an

investment in both the physical and mental well-being of the population. (Có, vì các cơ sở thể thao dễ tiếp cận có thể khuyến khích nhiều người tham gia hoạt động thể chất hơn. Điều này không chỉ cải thiện sức khỏe cộng đồng mà còn giảm chi phí y tế về lâu dài. Đây là khoản đầu tư cho cả sức khỏe thể chất lẫn tinh thần của người dân.)

## **Chủ đề 23: Environment (Môi trường)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Is pollution a problem in your country? (Ô nhiễm có phải là vấn đề ở đất nước bạn không?)**

Sample answer:

Unfortunately, yes. Air pollution is particularly severe in big cities due to heavy traffic and industrial activities. Water pollution is also a growing concern, especially in areas near factories. (Thật không may là có. Ô nhiễm không khí đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn do mật độ giao thông cao và hoạt động công nghiệp. Ô nhiễm nước cũng là mối lo ngại ngày càng tăng, nhất là ở các khu vực gần nhà máy.)

**2. What do you do to help protect the environment? (Bạn làm gì để giúp bảo vệ môi trường?)**

Sample answer:

I try to reduce plastic usage by bringing my own shopping bag and reusable bottle. I also separate waste for recycling and use public transportation whenever possible. (Tôi cố gắng giảm sử dụng nhựa bằng cách mang theo túi mua sắm và chai nước có thể tái sử dụng. Tôi cũng phân loại rác để tái chế và dùng phương tiện công cộng bất cứ khi nào có thể.)

**3. Do you think environmental protection should be the government's responsibility or individuals'? (Bạn có nghĩ việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chính phủ hay của từng cá nhân?)**

Sample answer:

I believe it should be a shared responsibility. The government can enforce regulations and provide infrastructure, while individuals can adopt eco-friendly habits in their daily lives. (Tôi tin rằng đó nên là trách nhiệm chung. Chính phủ có thể ban hành luật và cung cấp cơ sở hạ tầng, trong khi mỗi cá nhân có thể áp dụng thói quen thân thiện với môi trường trong cuộc sống hàng ngày.)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe an environmental problem you are concerned about. You should say: *(Miêu tả một vấn đề môi trường mà bạn lo ngại. Bạn nên nói)*

- What it is *(Đó là vấn đề gì)*
- How it affects people and wildlife *(Nó ảnh hưởng đến con người và động vật hoang dã như thế nào)*
- What causes this problem *(Nguyên nhân của vấn đề này)*
- And explain why you are concerned about it *(Và giải thích tại sao bạn lo ngại về nó)*

Sample answer:

One environmental problem I'm deeply concerned about is deforestation. Large areas of forests are being cleared for agriculture, logging, and urban development. This not only destroys the habitats of countless species but also contributes to climate change, as trees play a crucial role in absorbing carbon dioxide. People living nearby also suffer from soil erosion and reduced air quality. The main cause is the increasing demand for land and resources, which often outweighs environmental considerations. I worry about this issue because forests are the "lungs of the Earth," and if we lose them, future generations will inherit a planet with more extreme weather conditions and fewer natural resources.

*(Một vấn đề môi trường mà tôi rất lo ngại là nạn phá rừng. Những khu rừng rộng lớn đang bị chặt phá để phục vụ nông nghiệp, khai thác gỗ và phát triển đô thị. Điều này không chỉ phá hủy môi trường sống của vô số loài mà còn góp phần vào biến đổi khí hậu, vì cây cối đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí CO<sub>2</sub>. Người dân sống gần đó cũng phải chịu cảnh xói mòn đất và chất lượng không khí giảm sút. Nguyên nhân chính là nhu cầu ngày càng tăng về đất đai và tài nguyên, thường lấn át các cân nhắc về môi trường. Tôi lo ngại vấn đề này vì rừng là "lá phổi của Trái Đất," và nếu chúng ta mất đi, các thế hệ tương lai sẽ phải sống trên một hành tinh với thời tiết cực đoan hơn và ít tài nguyên thiên nhiên hơn.)*

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. What can individuals do to reduce pollution?** *(Mỗi cá nhân có thể làm gì để giảm ô nhiễm?)*

Sample answer:

Individuals can make a difference by using public transport, reducing waste, and conserving energy at home. Even small actions, when multiplied by millions of people, can have a huge impact. *(Mỗi cá nhân có thể tạo ra sự khác biệt bằng cách sử dụng phương tiện công cộng, giảm lượng rác thải và tiết kiệm năng lượng tại nhà. Ngay cả những hành động nhỏ, khi được nhân lên bởi hàng triệu người, cũng có thể tạo ra tác động lớn.)*

**2. Should companies be punished for polluting the environment? (Các công ty có nên bị phạt nếu gây ô nhiễm môi trường không?)**

Sample answer:

Absolutely. Strict penalties can deter companies from harming the environment. However, governments should also provide incentives for businesses to adopt sustainable practices. *(Chắc chắn rồi. Các hình phạt nghiêm khắc có thể ngăn công ty gây hại cho môi trường. Tuy nhiên, chính phủ cũng nên đưa ra ưu đãi để doanh nghiệp áp dụng các phương pháp bền vững.)*

**3. How important is international cooperation in solving environmental problems? (Sự hợp tác quốc tế quan trọng thế nào trong việc giải quyết các vấn đề môi trường?)**

Sample answer:

It's vital because environmental issues like climate change and ocean pollution cross national borders. Only through global collaboration can we set effective policies, share resources, and hold each other accountable. *(Nó rất quan trọng vì các vấn đề môi trường như biến đổi khí hậu và ô nhiễm đại dương vượt qua biên giới quốc gia. Chỉ thông qua hợp tác toàn cầu chúng ta mới có thể thiết lập các chính sách hiệu quả, chia sẻ tài nguyên và giám sát lẫn nhau.)*

## **Chủ đề 24: Festivals & Traditions (Lễ hội và Truyền thống)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What is your favorite festival in your country? (Lễ hội yêu thích của bạn ở đất nước bạn là gì?)**

Sample answer:

My favorite festival is the Lunar New Year, which is widely celebrated in my country. It's a time when families gather, exchange gifts, and share delicious meals. I particularly enjoy the festive atmosphere and the traditional customs, such as giving "lucky money" to children, which symbolize blessings for the year ahead. *(Lễ hội yêu thích của tôi là Tết Nguyên Đán,*

được tổ chức rộng rãi ở đất nước tôi. Đây là thời điểm gia đình sum họp, tặng quà và cùng nhau thưởng thức những bữa ăn ngon. Tôi đặc biệt thích không khí lễ hội và các phong tục truyền thống, như lì xì cho trẻ em, tượng trưng cho lời chúc may mắn cho năm mới.)

**2. Do you usually celebrate it with your family or friends? (Bạn thường tổ chức lễ hội này với gia đình hay bạn bè?)**

Sample answer:

I usually celebrate it with my family because it's a tradition to be together during the New Year period. However, I also make time to visit friends and relatives. It's a perfect occasion to strengthen bonds and show appreciation for one another. (Tôi thường tổ chức cùng gia đình vì đó là truyền thống phải ở bên nhau trong dịp Tết. Tuy nhiên, tôi cũng dành thời gian để thăm bạn bè và họ hàng. Đây là dịp tuyệt vời để thắt chặt tình cảm và thể hiện sự trân trọng lẫn nhau.)

**3. Have festivals changed much compared to the past? (Các lễ hội đã thay đổi nhiều so với trước đây không?)**

Sample answer:

Yes, I think festivals nowadays are more modern and sometimes more commercialized. While traditional elements remain, such as cultural performances and rituals, there's also an increasing presence of technology, like online events and live streaming, which makes the celebrations more accessible to people far away. (Vâng, tôi nghĩ các lễ hội ngày nay hiện đại hơn và đôi khi mang tính thương mại nhiều hơn. Mặc dù các yếu tố truyền thống như biểu diễn văn hóa và nghi lễ vẫn tồn tại, nhưng ngày càng có sự hiện diện của công nghệ, như sự kiện trực tuyến và phát trực tiếp, giúp lễ hội tiếp cận được nhiều người ở xa hơn.)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a traditional festival in your country. You should say: (Miêu tả một lễ hội truyền thống ở đất nước bạn. Bạn nên nói:)

- What it is (Lễ hội đó là gì)
- When and where it is celebrated (Nó được tổ chức ở đâu và khi nào)
- What people do during the festival (Người ta làm gì trong lễ hội đó)
- And explain why it is important in your culture (Và giải thích lý do vì sao lễ hội này lại quan trọng với văn hóa của nước bạn)

Sample answer:

One of the most important festivals in my country is the Mid-Autumn Festival. It usually takes place on the 15th day of the eighth lunar month, when the moon is at its fullest and brightest. Traditionally, families prepare mooncakes, which are sweet pastries with various fillings, and children carry colorful lanterns in parades. The festival is deeply rooted in the idea of family reunion and gratitude for the harvest. Personally, I believe it's important because it preserves our cultural identity and provides an opportunity for different generations to connect. In recent years, although new activities have been added, such as live concerts and public performances, the essence of togetherness remains unchanged.

*(Một trong những lễ hội quan trọng nhất ở đất nước tôi là Tết Trung Thu. Thường được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, khi mặt trăng tròn và sáng nhất. Theo truyền thống, gia đình chuẩn bị bánh trung thu với nhiều loại nhân ngọt khác nhau, và trẻ em cầm lồng đèn đầy màu sắc đi rước đèn. Lễ hội gắn liền với ý nghĩa đoàn tụ gia đình và biết ơn mùa màng. Cá nhân tôi cho rằng nó quan trọng vì giúp gìn giữ bản sắc văn hóa và tạo cơ hội để các thế hệ kết nối. Gần đây, dù có thêm những hoạt động mới như hòa nhạc và biểu diễn công cộng, tinh thần sum họp vẫn không thay đổi.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do you think traditions are important for a country? (Tại sao bạn nghĩ các truyền thống lại quan trọng đối với một quốc gia?)**

Sample answer:

Traditions serve as a link between the past and the present, allowing us to preserve our cultural heritage and values. They also give people a sense of belonging and identity. In a rapidly globalized world, maintaining traditions helps prevent cultural homogenization, ensuring that each nation's unique character is not lost. *(Truyền thống là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp chúng ta gìn giữ di sản văn hóa và các giá trị. Chúng cũng mang lại cho con người cảm giác gắn bó và bản sắc riêng. Trong một thế giới toàn cầu hóa nhanh chóng, việc duy trì truyền thống giúp tránh sự đồng nhất văn hóa, đảm bảo rằng bản sắc độc đáo của mỗi quốc gia không bị mất đi.)*

**2. Should governments spend money on festivals? (Chính phủ có nên chi tiền cho các lễ hội không?)**

Sample answer:

I believe governments should allocate some budget to support festivals, especially those with historical and cultural significance. Festivals not only boost tourism, which can be a major source of revenue, but also promote national pride. However, it's important to ensure that spending is transparent and reasonable. *(Tôi tin rằng chính phủ nên phân bổ một phần ngân sách để hỗ trợ các lễ hội, đặc biệt là những lễ hội có ý nghĩa lịch sử và văn hóa. Các lễ hội không chỉ thúc đẩy du lịch, một nguồn thu lớn, mà còn nâng cao niềm tự hào dân tộc. Tuy nhiên, cần đảm bảo rằng việc chi tiêu minh bạch và hợp lý.)*

**3. Do you think festivals will still be important in the future? (Bạn có nghĩ rằng các lễ hội vẫn sẽ quan trọng trong tương lai không?)**

Sample answer:

Absolutely. Even though the way we celebrate may evolve with technology and societal changes, the human need for connection, joy, and cultural expression will never disappear. Festivals provide a platform for these emotions, so I believe they will always have a place in our lives. *(Chắc chắn rồi. Mặc dù cách chúng ta tổ chức lễ hội có thể thay đổi theo công nghệ và xã hội, nhưng nhu cầu kết nối, niềm vui và thể hiện văn hóa của con người sẽ không bao giờ biến mất. Lễ hội tạo ra một không gian cho những cảm xúc này, vì vậy tôi tin rằng chúng sẽ luôn có vị trí trong cuộc sống của chúng ta.)*

## **Chủ đề 25: Food & Cooking (Ẩm thực và Nấu ăn)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What is your favorite type of food? (Món ăn yêu thích của bạn là gì?)**

Sample answer:

I've always been a huge fan of Vietnamese cuisine, especially phở. The rich, aromatic broth and tender slices of beef are simply irresistible. Whenever I'm feeling under the weather, a steaming bowl of phở feels like a warm hug for my soul, you know, a real "comfort food". *(Tôi luôn là một người hâm mộ ẩm thực Việt Nam, đặc biệt là phở. Nước dùng đậm đà, thơm phức và những lát thịt bò mềm thật khó cưỡng. Mỗi khi tôi cảm thấy không khỏe, một bát phở nóng hổi giống như một cái ôm ấm áp cho tâm hồn, đúng kiểu "món ăn an ủi" thật sự.)*

**2. Do you prefer eating at home or dining out? (Bạn thích ăn ở nhà hay ra ngoài hơn?)**

Sample answer:

It depends on the occasion. Eating at home is more economical and I can control the ingredients, which is great for staying healthy. But dining out gives me the chance to try new

dishes and enjoy a lively atmosphere, so I guess I'm a "have my cake and eat it too" kind of person. *(Còn tùy vào dịp. Ăn ở nhà tiết kiệm hơn và tôi có thể kiểm soát nguyên liệu, rất tốt cho sức khỏe. Nhưng ăn ngoài giúp tôi thử món mới và tận hưởng không khí sôi động, nên tôi nghĩ mình thuộc kiểu "muốn cả đôi đường".)*

### **3. How often do you cook? (Bạn nấu ăn thường xuyên không?)**

Sample answer:

I try to cook at least four to five times a week. Cooking is not only a way to save money, but also a form of therapy for me. Chopping vegetables and stirring a pot of soup can be surprisingly relaxing after a hectic day. *(Tôi cố gắng nấu ăn ít nhất bốn đến năm lần một tuần. Nấu ăn không chỉ giúp tiết kiệm tiền mà còn là một hình thức trị liệu cho tôi. Thái rau và khuấy một nồi súp có thể mang lại cảm giác thư giãn đáng ngạc nhiên sau một ngày bận rộn.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a memorable meal you had. You should say: *(Mô tả một bữa ăn đáng nhớ mà bạn từng có. Bạn nên nói về:)*

- When it was *(Khi nào diễn ra)*
- Who you were with *(Bạn ở cùng ai)*
- What you ate *(Bạn đã ăn gì)*
- And explain why it was memorable *(Và giải thích tại sao nó đáng nhớ)*

Sample answer:

Last year, during the Lunar New Year, my family gathered at my grandmother's house for our traditional holiday feast. The dining table was laden with an array of dishes, from sticky rice cakes and caramelized pork to fresh spring rolls. What made it unforgettable was not just the mouth-watering food, but also the laughter and stories we shared. We even had a "friendly" argument about who made the best fish sauce dip. It was a moment where I truly felt the saying "the way to a person's heart is through their stomach" come to life.

*(Năm ngoái, vào dịp Tết Nguyên Đán, gia đình tôi tụ họp tại nhà bà ngoại để cùng nhau thưởng thức bữa tiệc truyền thống. Bàn ăn đầy ắp các món – từ bánh chưng, thịt kho đến gỏi cuốn tươi. Điều khiến bữa ăn đó khó quên không chỉ là đồ ăn ngon mà còn là tiếng cười và những câu chuyện chúng tôi chia sẻ. Thậm chí, cả nhà còn "tranh luận" vui vẻ xem ai pha*

*nước mắm ngon nhất. Đó là khoảnh khắc mà tôi thực sự cảm nhận câu nói “con đường nhanh nhất đến trái tim ai đó là thông qua dạ dày” trở thành hiện thực.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How have eating habits changed in your country over the years? (Thói quen ăn uống ở đất nước bạn đã thay đổi thế nào qua các năm?)**

Sample answer:

In the past, meals were more traditional and home-cooked, focusing on seasonal ingredients. Nowadays, due to the fast-paced lifestyle, people eat out more often or rely on ready-made meals. While convenience is a big plus, I think it's causing us to lose touch with our culinary heritage. *(Trước đây, bữa ăn thường truyền thống và được nấu tại nhà, chú trọng vào nguyên liệu theo mùa. Ngày nay, do nhịp sống nhanh, mọi người ăn ngoài nhiều hơn hoặc dựa vào đồ ăn chế biến sẵn. Dù sự tiện lợi là một ưu điểm, tôi nghĩ điều này khiến chúng ta dần mất kết nối với di sản ẩm thực của mình.)*

**2. Do you think cooking should be taught in schools? (Bạn có nghĩ nấu ăn nên được dạy ở trường không?)**

Sample answer:

Absolutely. Cooking is a life skill that promotes independence and healthy living. If young people know how to cook from an early age, they are less likely to depend on junk food. It's like the saying goes, "Give a man a fish and you feed him for a day; teach a man to fish and you feed him for a lifetime." *(Chắc chắn rồi. Nấu ăn là một kỹ năng sống giúp rèn luyện tính tự lập và lối sống lành mạnh. Nếu người trẻ biết nấu ăn từ sớm, họ sẽ ít phụ thuộc vào đồ ăn nhanh. Như câu nói “cho ai một con cá thì nuôi họ một ngày, dạy ai đó câu cá thì nuôi họ cả đời”.)*

**3. What's the role of traditional food in modern society? (Vai trò của món ăn truyền thống trong xã hội hiện đại là gì?)**

Sample answer:

Traditional food is like a cultural anchor, it connects people to their roots and preserves national identity. Even in a world full of fusion cuisine, dishes like *phở* or *bánh chưng* remain symbols of heritage and pride. *(Món ăn truyền thống giống như một “mỏ neo” văn hóa, nó kết nối con người với cội nguồn và gìn giữ bản sắc dân tộc. Ngay cả trong một thế giới đầy*

ấp các món ăn pha trộn, những món như phở hay bánh chưng vẫn là biểu tượng của di sản và niềm tự hào.)

## **Chủ đề 26: Art & Culture (Nghệ thuật & Văn hoá)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you enjoy visiting art galleries?** (Bạn có thích đến thăm các phòng trưng bày nghệ thuật không?)

Sample answer:

I do, absolutely. Visiting art galleries is like stepping into another world where creativity knows no bounds. I find it fascinating to see how artists express their emotions and perspectives through colors, shapes, and textures. It's also a great way to broaden my horizons and gain fresh insights into different cultures. *(Có chứ, chắc chắn rồi. Việc đến thăm các phòng trưng bày nghệ thuật giống như bước vào một thế giới khác nơi sự sáng tạo không có giới hạn. Tôi thấy thật thú vị khi được nhìn cách các nghệ sĩ thể hiện cảm xúc và góc nhìn của mình qua màu sắc, hình khối và kết cấu. Đây cũng là một cách tuyệt vời để mở rộng tầm nhìn và có thêm góc nhìn mới về các nền văn hoá khác nhau.)*

**2. What kind of art do you like most?** (Bạn thích loại hình nghệ thuật nào nhất?)

Sample answer:

I'm particularly drawn to impressionist paintings. There's something enchanting about the way they capture light and movement with seemingly effortless brushstrokes. It reminds me that beauty often lies in the details we overlook. Plus, this style feels warm and inviting, like a comforting memory. *(Tôi đặc biệt bị cuốn hút bởi những bức tranh theo trường phái ấn tượng. Có điều gì đó rất cuốn hút ở cách chúng nắm bắt ánh sáng và chuyển động bằng những nét cọ tưởng chừng đơn giản. Điều đó khiến tôi nhớ rằng cái đẹp thường nằm ở những chi tiết ta hay bỏ qua. Thêm nữa, phong cách này mang lại cảm giác ấm áp và thân thiện, giống như một ký ức êm đềm.)*

**3. Did you learn art at school?** (Bạn có học môn nghệ thuật ở trường không?)

Sample answer:

Yes, but only at a very basic level. We mostly learned about famous artists and tried to replicate their works. Although it wasn't in-depth, it planted a seed of appreciation for art in me, which has grown over time. *(Có, nhưng chỉ ở mức cơ bản. Chúng tôi chủ yếu học về các*

*nghệ sĩ nổi tiếng và thử tái hiện lại tác phẩm của họ. Mặc dù không đi sâu, nhưng điều đó đã gieo trong tôi một hạt giống yêu nghệ thuật, và nó đã lớn dần theo thời gian.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a piece of art you like. You should say: *(Miêu tả một tác phẩm nghệ thuật mà bạn thích. Bạn nên nói về:)*

- What it is *(Đó là tác phẩm gì)*
- When you first saw it *(Bạn lần đầu thấy nó khi nào)*
- What it looks like *(Nó trông như thế nào)*
- And explain why you like it *(Và giải thích vì sao bạn thích nó)*

Sample answer:

I'd like to talk about "Starry Night" by Vincent van Gogh. It's a world-famous painting that depicts a swirling night sky full of vibrant shades of blue and yellow, with a quiet village lying beneath. I first saw it in an art book during my high school years, and it left an indelible mark on me. What fascinates me is how the seemingly chaotic brushstrokes still create a sense of harmony and wonder. For me, it's a powerful reminder that beauty can emerge from chaos, a message that resonates deeply in life. Whenever I look at it, I feel as if I'm wrapped in a warm blanket on a cold night, it's timeless and comforting.

*(Tôi muốn nói về "Đêm đầy sao" của Vincent van Gogh. Đây là một bức tranh nổi tiếng thế giới miêu tả bầu trời đêm xoáy tròn với những sắc xanh và vàng rực rỡ, bên dưới là một ngôi làng yên tĩnh. Tôi lần đầu nhìn thấy nó trong một cuốn sách nghệ thuật vào những năm học trung học, và nó đã để lại trong tôi một dấu ấn khó phai. Điều khiến tôi say mê là cách những nét cọ tưởng chừng hỗn loạn vẫn tạo nên sự hài hoà và kỳ diệu. Với tôi, đó là lời nhắc nhở mạnh mẽ rằng cái đẹp có thể nảy sinh từ sự hỗn loạn, một thông điệp rất phù hợp với cuộc sống. Mỗi khi ngắm nó, tôi cảm thấy như được cuốn vào một chiếc chăn ấm trong một đêm lạnh, vừa vượt thời gian vừa đầy an ủi.)*

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think art is important for children? (Bạn có nghĩ nghệ thuật quan trọng đối với trẻ em không?)**

Sample answer:

Yes, I believe it's essential. Art nurtures creativity and critical thinking, and it allows children to express themselves in ways that words cannot. In a way, it's like giving them a new language to communicate their feelings and ideas. *(Có, tôi nghĩ điều đó rất cần thiết. Nghệ thuật nuôi dưỡng sự sáng tạo và tư duy phản biện, đồng thời cho phép trẻ thể hiện bản thân theo những cách mà ngôn từ không thể. Theo một cách nào đó, nó giống như trao cho các em một ngôn ngữ mới để truyền đạt cảm xúc và ý tưởng của mình.)*

**2. How can governments support the arts?** *(Chính phủ có thể hỗ trợ nghệ thuật như thế nào?)*

Sample answer:

They could fund art education in schools, offer grants for emerging artists, and organize cultural events to engage the public. By doing so, they help preserve heritage while fostering innovation. After all, art is not a luxury, it's part of our identity. *(Họ có thể tài trợ giáo dục nghệ thuật trong trường học, cung cấp các khoản hỗ trợ cho nghệ sĩ mới nổi, và tổ chức các sự kiện văn hoá để thu hút công chúng. Bằng cách đó, họ vừa giúp bảo tồn di sản, vừa thúc đẩy sự đổi mới. Suy cho cùng, nghệ thuật không phải là một thứ xa xỉ, nó là một phần bản sắc của chúng ta.)*

**3. Is traditional art still relevant in today's world?** *(Nghệ thuật truyền thống có còn phù hợp trong thế giới ngày nay không?)*

Sample answer:

Absolutely. While modern art reflects contemporary life, traditional art connects us to our roots and history. It's a reminder of where we came from, and in an increasingly globalized world, that sense of identity is more important than ever. *(Chắc chắn rồi. Trong khi nghệ thuật hiện đại phản ánh đời sống đương thời, nghệ thuật truyền thống kết nối chúng ta với cội nguồn và lịch sử. Nó là lời nhắc nhở về nơi ta xuất phát, và trong một thế giới ngày càng toàn cầu hoá, cảm giác về bản sắc ấy lại càng quan trọng.)*

**Chủ đề 27:**

**PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

**PART 3: Discussion (Thảo luận)**

## **Chủ đề 28: Science & Innovation (Khoa học & Sự đổi mới)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. What kind of scientific developments are you most interested in? (Bạn quan tâm nhất đến những phát triển khoa học nào?)**

Sample answer:

I'm particularly fascinated by breakthroughs in renewable energy, especially solar and wind power, because they offer sustainable solutions to our planet's growing energy demands while helping combat climate change. *(Tôi đặc biệt bị cuốn hút bởi những đột phá trong năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời và gió, vì chúng mang lại giải pháp bền vững cho nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của hành tinh, đồng thời giúp chống lại biến đổi khí hậu.)*

**2. Do you think science has changed our lives? (Bạn có nghĩ khoa học đã thay đổi cuộc sống của chúng ta không?)**

Sample answer:

Absolutely. Science has revolutionised nearly every aspect of our daily existence, from medical treatments that save countless lives to communication technologies that connect people across the globe in real time. *(Chắc chắn rồi. Khoa học đã cách mạng hóa gần như mọi khía cạnh của đời sống hằng ngày của chúng ta, từ các phương pháp điều trị y tế cứu sống vô số người đến công nghệ truyền thông kết nối mọi người trên khắp thế giới trong thời gian thực.)*

**3. How often do you read about new scientific discoveries? (Bạn thường đọc về những khám phá khoa học mới bao lâu một lần?)**

Sample answer:

I make it a habit to read about the latest discoveries at least once a week through online journals and podcasts, as I believe staying informed about science is essential in an ever-changing world. *(Tôi tạo thói quen đọc về những khám phá mới nhất ít nhất một lần mỗi tuần thông qua các tạp chí trực tuyến và podcast, vì tôi tin rằng việc cập nhật kiến thức khoa học là điều cần thiết trong một thế giới luôn thay đổi.)*

### **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a scientific innovation you think has been very important. You should say: *(Mô tả một đổi mới khoa học mà bạn nghĩ là rất quan trọng. Bạn nên nói:)*

- What it is *(Nó là gì)*
- How it works *(Nó hoạt động như thế nào)*
- Who developed it *(Ai đã phát triển nó)*
- And explain why it is important to you *(Và giải thích tại sao nó quan trọng với bạn)*

Sample answer:

One scientific innovation that I believe has truly reshaped our modern world is the invention of solar panels. These devices convert sunlight directly into electricity through photovoltaic cells, providing a clean and renewable source of energy. Initially developed by scientists in the mid-20th century for space exploration, solar technology has since become increasingly affordable and widespread for residential and commercial use. For me, it's a real *game changer*, as it addresses two pressing global issues at once, energy security and environmental protection. In a way, it's like *killing two birds with one stone*: we can reduce our dependence on fossil fuels while also lowering greenhouse gas emissions. I personally find it inspiring because it proves that human ingenuity can create solutions that are both practical and planet-friendly.

*(Một đổi mới khoa học mà tôi tin rằng đã thực sự định hình lại thế giới hiện đại là sự phát minh ra các tấm pin mặt trời. Những thiết bị này chuyển đổi trực tiếp ánh sáng mặt trời thành điện năng thông qua các tế bào quang điện, cung cấp một nguồn năng lượng sạch và tái tạo. Ban đầu, công nghệ này được các nhà khoa học phát triển vào giữa thế kỷ 20 để phục vụ khám phá vũ trụ, nhưng kể từ đó, pin mặt trời đã trở nên ngày càng rẻ hơn và phổ biến rộng rãi cho cả nhà ở và thương mại. Đối với tôi, đây thực sự là một bước ngoặt, vì nó giải quyết đồng thời hai vấn đề cấp bách toàn cầu, an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường. Có thể nói đây là một "mũi tên trúng hai đích": chúng ta vừa giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, vừa cắt giảm lượng khí thải nhà kính. Cá nhân tôi thấy điều này truyền cảm hứng vì nó chứng minh rằng trí tuệ con người có thể tạo ra những giải pháp vừa thực tế vừa thân thiện với hành tinh.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How will science change the way we live in the future? *(Khoa học sẽ thay đổi cách chúng ta sống trong tương lai như thế nào?)***

Sample answer:

Science will likely make our lives more personalised and interconnected. For example, artificial intelligence could offer tailored education and healthcare, while advancements in biotechnology may extend human life expectancy significantly. *(Khoa học có khả năng sẽ khiến cuộc sống của chúng ta trở nên cá nhân hóa và kết nối hơn. Ví dụ, trí tuệ nhân tạo có thể cung cấp giáo dục và chăm sóc sức khỏe được cá nhân hóa, trong khi những tiến bộ trong công nghệ sinh học có thể kéo dài đáng kể tuổi thọ con người.)*

**2. Do you think governments should invest more in scientific research? (Bạn có nghĩ các chính phủ nên đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu khoa học không?)**

Sample answer:

Definitely. Scientific research not only drives innovation and economic growth but also helps address pressing challenges such as pandemics, food security, and climate change. *(Chắc chắn rồi. Nghiên cứu khoa học không chỉ thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng kinh tế mà còn giúp giải quyết những thách thức cấp bách như đại dịch, an ninh lương thực và biến đổi khí hậu.)*

**3. What are the disadvantages of relying too much on technology? (Những bất lợi của việc phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ là gì?)**

Sample answer:

Excessive reliance on technology can lead to job losses due to automation, reduced face-to-face communication, and serious concerns about privacy and data security. *(Sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ có thể dẫn đến mất việc làm do tự động hóa, giảm giao tiếp trực tiếp và những lo ngại nghiêm trọng về quyền riêng tư cũng như an ninh dữ liệu.)*

## **Chủ đề 29: Space Exploration (Khám phá vũ trụ)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you think space travel is important? (Bạn có nghĩ du hành vũ trụ là quan trọng không?)**

Sample answer:

I believe space travel holds significant importance because it not only expands human knowledge about the universe but also inspires innovation and scientific breakthroughs. Understanding more about space can help us address global challenges like climate change

and resource scarcity. *(Tôi tin rằng du hành vũ trụ có ý nghĩa quan trọng vì nó không chỉ mở rộng kiến thức của con người về vũ trụ mà còn truyền cảm hứng cho sự đổi mới và những đột phá khoa học. Việc hiểu rõ hơn về không gian có thể giúp chúng ta giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và sự khan hiếm tài nguyên.)*

**2. Would you like to travel to space in the future?** *(Bạn có muốn du hành vũ trụ trong tương lai không?)*

Sample answer:

Yes, I would love to. Although it might be risky and expensive, the idea of experiencing zero gravity and seeing Earth from space would be a once-in-a-lifetime opportunity. It's the ultimate adventure for a curious soul like me. *(Có chứ, tôi rất muốn. Mặc dù nó có thể nguy hiểm và tốn kém, nhưng ý tưởng được trải nghiệm trạng thái không trọng lực và nhìn Trái Đất từ ngoài không gian sẽ là cơ hội có một không hai. Đây chính là cuộc phiêu lưu tuyệt đỉnh cho một tâm hồn ham học hỏi như tôi.)*

**3. Have you ever watched a documentary about space?** *(Bạn đã từng xem phim tài liệu về vũ trụ chưa?)*

Sample answer:

Absolutely. I've watched several documentaries, like "Cosmos" and "Apollo 11," which gave me a fascinating insight into space exploration and the incredible efforts behind every mission. *(Chắc chắn rồi. Tôi đã xem vài bộ phim tài liệu như "Cosmos" và "Apollo 11", mang lại cho tôi cái nhìn đầy thú vị về việc khám phá vũ trụ và những nỗ lực phi thường đằng sau mỗi chuyến thám hiểm.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a planet or a star you would like to learn more about. You should say: *(Mô tả một hành tinh hoặc ngôi sao mà bạn muốn tìm hiểu thêm. Bạn nên nói:)*

- What it is *(Đó là gì)*
- Where you learned about it *(Bạn biết về nó từ đâu)*
- What you would like to know about it *(Bạn muốn biết điều gì về nó)*
- And explain why you are interested in it *(Và giải thích tại sao bạn quan tâm đến nó)*

Sample answer:

If I had the chance, I would love to learn more about Saturn, the sixth planet from the Sun. I first heard about it in primary school when we were studying the solar system, but I became

truly fascinated after seeing breathtaking images taken by the Cassini spacecraft. The planet's stunning rings, which are made up of ice and rock particles, are truly out of this world quite literally!

I'd like to know more about how these rings were formed and whether they might disappear over time. What intrigues me most is that despite being such a massive planet, Saturn is mostly made of gas, which makes it very different from Earth. Learning about it feels like peeling back layers of a cosmic mystery.

For me, space is the final frontier, and exploring it, even just through knowledge, feels like taking one giant leap for my own curiosity. As the saying goes, "the sky is not the limit" and Saturn is proof that there's always more beyond what meets the eye.

*(Nếu có cơ hội, tôi muốn tìm hiểu nhiều hơn về sao Thổ, hành tinh thứ sáu tính từ Mặt Trời. Tôi lần đầu biết về nó ở tiểu học khi học về hệ Mặt Trời, nhưng thật sự bị cuốn hút sau khi thấy những hình ảnh ngoạn mục do tàu Cassini chụp lại. Vành đai tuyệt đẹp của hành tinh này, được tạo thành từ băng và các mảnh đá, thực sự là "ngoài thế giới này" theo đúng nghĩa đen!*

*Tôi muốn biết thêm về cách mà những vành đai này được hình thành và liệu chúng có thể biến mất theo thời gian hay không. Điều khiến tôi tò mò nhất là mặc dù sao Thổ có kích thước khổng lồ, nhưng chủ yếu được tạo thành từ khí, điều này khiến nó rất khác so với Trái Đất. Tìm hiểu về nó giống như bóc từng lớp của một bí ẩn vũ trụ.*

*Với tôi, vũ trụ là biên giới cuối cùng, và việc khám phá nó dù chỉ qua kiến thức, giống như thực hiện một bước nhảy vọt khổng lồ cho trí tò mò của mình. Như câu nói "bầu trời không phải giới hạn", sao Thổ là minh chứng rằng luôn có nhiều điều hơn ngoài những gì ta thấy.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think governments should invest more in space exploration? (Bạn có nghĩ chính phủ nên đầu tư nhiều hơn vào khám phá vũ trụ không?)**

Sample answer:

Yes, because investing in space exploration can lead to technological advancements that benefit everyday life, such as satellite communications, weather forecasting, and medical innovations. It's not just about exploring the unknown; it's also about creating solutions for problems here on Earth. *(Có, bởi vì đầu tư vào khám phá vũ trụ có thể dẫn đến những tiến bộ công nghệ mang lại lợi ích cho đời sống hằng ngày, như truyền thông qua vệ tinh, dự báo*

thời tiết và cải tiến y tế. Không chỉ là khám phá điều chưa biết, mà còn là tạo ra giải pháp cho các vấn đề ngay trên Trái Đất.)

**2. What are the possible disadvantages of space travel? (Những bất lợi có thể có của du hành vũ trụ là gì?)**

Sample answer:

Space travel is extremely costly, and the funds could arguably be used to tackle urgent issues like poverty and climate change. Moreover, astronauts face serious health risks due to radiation exposure and long-term weightlessness. (Du hành vũ trụ cực kỳ tốn kém, và nguồn tiền này có thể được sử dụng để giải quyết các vấn đề cấp bách như nghèo đói và biến đổi khí hậu. Hơn nữa, các phi hành gia phải đối mặt với rủi ro sức khỏe nghiêm trọng do tiếp xúc với bức xạ và trạng thái không trọng lực kéo dài.)

**3. Do you think humans will live on another planet in the future? (Bạn có nghĩ con người sẽ sống trên hành tinh khác trong tương lai không?)**

Sample answer:

It's possible, but it will take decades or even centuries of technological progress. While Mars seems to be the most likely candidate, creating a sustainable habitat there is an enormous challenge. Still, as history has shown, human curiosity and determination often turn science fiction into reality. (Có thể, nhưng sẽ mất hàng thập kỷ hoặc thậm chí hàng thế kỷ tiến bộ công nghệ. Mặc dù sao Hỏa có vẻ là ứng viên tiềm năng nhất, việc tạo ra một môi trường sống bền vững ở đó là một thách thức to lớn. Tuy nhiên, như lịch sử đã chứng minh, trí tò mò và quyết tâm của con người thường biến khoa học viễn tưởng thành hiện thực.)

## **Chủ đề 30: Wildlife & Animals (Động vật hoang dã và Động vật)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you like animals? (Bạn có thích động vật không?)**

Sample answer:

I've always been fascinated by animals, especially wild ones, because they remind me of how diverse and beautiful nature can be. Spending time with animals, even pets, helps me feel more relaxed and connected to the natural world. (Tôi luôn bị cuốn hút bởi động vật, đặc biệt là các loài hoang dã, vì chúng nhắc tôi nhớ đến sự đa dạng và vẻ đẹp của thiên nhiên. Ở bên động vật, dù là thú cưng, cũng giúp tôi cảm thấy thư giãn và gắn bó hơn với thế giới tự nhiên.)

**2. What's your favorite animal? (Động vật yêu thích của bạn là gì?)**

Sample answer:

My favorite animal is the elephant. They are not only incredibly intelligent but also very gentle, showing strong family bonds. I admire their wisdom and patience, qualities that humans could learn from. *(Động vật yêu thích của tôi là voi. Chúng không chỉ thông minh đáng kinh ngạc mà còn rất hiền lành, thể hiện sự gắn kết gia đình bền chặt. Tôi ngưỡng mộ trí tuệ và sự kiên nhẫn của chúng, những phẩm chất mà con người có thể học hỏi.)*

**3. Are animals important in your culture? (Động vật có quan trọng trong văn hóa của bạn không?)**

Sample answer:

Yes, animals play a significant role in my culture, appearing in traditional stories, art, and festivals. For example, the buffalo is a symbol of hard work and prosperity in rural areas. *(Có, động vật đóng vai trò quan trọng trong văn hóa của tôi, xuất hiện trong các câu chuyện dân gian, nghệ thuật và lễ hội. Ví dụ, con trâu là biểu tượng của sự cần cù và thịnh vượng ở vùng nông thôn.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a wild animal you have seen. You should say: *(Mô tả một loài động vật hoang dã mà bạn đã nhìn thấy. Bạn nên nói:)*

- What the animal is *(Đó là loài gì)*
- Where you saw it *(Bạn đã thấy nó ở đâu)*
- What it looks like *(Hình dáng của nó)*
- And explain how you felt when you saw it *(Và giải thích cảm giác của bạn khi nhìn thấy nó)*

Sample answer:

I once had the chance to see a sea turtle while snorkeling in Nha Trang. It was an extraordinary experience because sea turtles are not something you come across every day. The turtle had a large, oval-shaped shell with intricate patterns, and it moved gracefully through the water, almost like it was dancing. I remember holding my breath in awe, trying not to scare it away. The whole moment felt surreal, as if time had slowed down. I guess it reminded me of the saying "a once-in-a-blue-moon experience," because it truly was rare

and magical. That encounter made me realize how precious and fragile wildlife is, and how important it is for us to protect it.

*(Tôi từng có cơ hội nhìn thấy một con rùa biển khi đang lặn ngắm san hô ở Nha Trang. Đó là một trải nghiệm đặc biệt vì rùa biển không phải thứ bạn thường thấy mỗi ngày. Con rùa có chiếc mai lớn hình bầu dục với hoa văn tinh xảo, và nó di chuyển uyển chuyển trong làn nước, gần như đang khiêu vũ. Tôi nhớ mình đã nín thở vì sợ làm nó hoảng sợ. Khoảnh khắc đó thật phi thực, như thể thời gian chậm lại. Tôi nghĩ nó đã gợi nhớ cho tôi câu “cơ hội ngàn năm có một” vì thật sự hiếm và kỳ diệu. Cuộc gặp gỡ đó khiến tôi nhận ra sự quý giá và mong manh của thế giới hoang dã, và tầm quan trọng của việc bảo vệ nó.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why is it important to protect endangered animals?** (Tại sao việc bảo vệ các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng lại quan trọng?)

Sample answer:

Protecting endangered animals helps maintain the balance of ecosystems. Each species plays a unique role, and losing one can trigger a chain reaction that harms both nature and humans. Moreover, many species have cultural, scientific, or economic value. *(Bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng giúp duy trì cân bằng của hệ sinh thái. Mỗi loài đều có vai trò riêng, và mất đi một loài có thể gây ra chuỗi phản ứng gây hại cho cả thiên nhiên và con người. Hơn nữa, nhiều loài còn có giá trị về văn hóa, khoa học hoặc kinh tế.)*

**2. How can people help to protect wildlife?** (Mọi người có thể làm gì để bảo vệ động vật hoang dã?)

Sample answer:

People can contribute by supporting conservation programs, reducing the use of products made from endangered species, and spreading awareness about environmental issues. Simple actions, like recycling and reducing plastic waste, also help. *(Mọi người có thể đóng góp bằng cách ủng hộ các chương trình bảo tồn, giảm sử dụng các sản phẩm làm từ loài có nguy cơ tuyệt chủng, và nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường. Những hành động đơn giản như tái chế và giảm rác thải nhựa cũng giúp ích.)*

**3. Should zoos exist in the modern world?** (Vườn thú có nên tồn tại trong thế giới hiện đại không?)

Sample answer:

It depends on their purpose. If zoos operate as conservation centers and provide proper habitats for animals, they can play an important role in protecting endangered species. However, if they exist solely for entertainment without ensuring animal welfare, then they should be reconsidered. *(Nó phụ thuộc vào mục đích hoạt động. Nếu vườn thú đóng vai trò là trung tâm bảo tồn và cung cấp môi trường sống phù hợp cho động vật, chúng có thể góp phần bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Tuy nhiên, nếu chỉ tồn tại để giải trí mà không đảm bảo phúc lợi động vật, thì cần phải xem xét lại.)*

## **Chủ đề 31: Transportation (Giao thông)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. How do you usually travel to work or school?** *(Bạn thường đi làm hoặc đi học bằng phương tiện gì?)*

Sample answer:

I usually commute by motorbike because it's the most convenient way to navigate through the city's traffic. It allows me to save time, especially during rush hours, and gives me more flexibility compared to public transport. *(Tôi thường đi làm bằng xe máy vì đây là cách thuận tiện nhất để di chuyển trong giao thông thành phố. Nó giúp tôi tiết kiệm thời gian, đặc biệt vào giờ cao điểm, và linh hoạt hơn so với phương tiện công cộng.)*

**2. What's the most popular means of transport in your country?** *(Phương tiện phổ biến nhất ở đất nước bạn là gì?)*

Sample answer:

In my country, motorbikes are by far the most popular means of transport. They are affordable, fuel-efficient, and easy to park, which makes them perfect for crowded urban areas. *(Ở đất nước tôi, xe máy là phương tiện phổ biến nhất. Chúng có giá cả phải chăng, tiết kiệm nhiên liệu và dễ đỗ xe, điều này rất phù hợp với các khu vực đô thị đông đúc.)*

**3. Do you prefer public transport or private vehicles?** *(Bạn thích phương tiện công cộng hay phương tiện cá nhân hơn?)*

Sample answer:

I prefer public transport when it's reliable and comfortable, as it reduces traffic congestion and is more environmentally friendly. However, for short distances, I still opt for my motorbike. *(Tôi thích phương tiện công cộng khi nó đáng tin cậy và thoải mái, vì nó giúp*

*giảm ùn tắc giao thông và thân thiện với môi trường hơn. Tuy nhiên, với những quãng đường ngắn, tôi vẫn chọn đi xe máy.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a memorable journey you have taken. You should say: *(Mô tả một chuyến đi đáng nhớ mà bạn đã thực hiện. Bạn nên nói:)*

- Where you went *(Bạn đã đi đâu)*
- How you travelled *(Bạn đã di chuyển bằng cách nào)*
- What you did during the journey *(Bạn đã làm gì trong chuyến đi)*
- And explain why it was memorable *(Và giải thích tại sao nó đáng nhớ)*

Sample answer:

Last year, I took a train journey from Hanoi to Da Nang, and it was truly unforgettable. The train ride took about 17 hours, passing through breathtaking landscapes, including lush green mountains and the vast blue sea along the Hai Van Pass. I remember standing by the window, feeling the cool breeze and snapping countless photos. The scenery was so picturesque that it felt like I was traveling through a postcard. It was also a rare opportunity to slow down and simply enjoy the moment, far away from the hustle and bustle of city life. I guess you could say it was a “journey of a lifetime,” not because it was luxurious, but because it was simple yet deeply enriching. That trip taught me to appreciate the journey itself, not just the destination.

*(Năm ngoái, tôi đã thực hiện một chuyến tàu từ Hà Nội vào Đà Nẵng, và đó thực sự là trải nghiệm khó quên. Chuyến tàu kéo dài khoảng 17 tiếng, đi qua những khung cảnh ngoạn mục, bao gồm núi xanh bạt ngàn và biển xanh bao la dọc đèo Hải Vân. Tôi nhớ mình đứng bên cửa sổ, cảm nhận làn gió mát và chụp vô số bức ảnh. Cảnh sắc đẹp đến mức như đang đi qua một tấm bưu thiếp. Đây cũng là cơ hội hiếm hoi để tôi chậm lại và tận hưởng khoảnh khắc, xa rời nhịp sống hối hả của thành phố. Có thể nói đây là “chuyến đi để đời”, không phải vì sang trọng, mà vì nó đơn giản nhưng lại mang đến nhiều giá trị tinh thần. Chuyến đi đã dạy tôi trân trọng chính hành trình, chứ không chỉ điểm đến.)*

## **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How has transportation changed in your country in recent years?** *(Giao thông ở đất nước bạn đã thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?)*

Sample answer:

Transportation has improved significantly with the expansion of public transport networks, such as metro lines and bus rapid transit systems. However, traffic congestion remains a serious issue, especially in big cities. *(Giao thông đã cải thiện đáng kể với sự mở rộng của mạng lưới phương tiện công cộng, như các tuyến tàu điện ngầm và hệ thống xe buýt nhanh. Tuy nhiên, ùn tắc giao thông vẫn là vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt ở các thành phố lớn.)*

**2. What are the advantages of public transport?** *(Ưu điểm của phương tiện công cộng là gì?)*

Sample answer:

Public transport is cost-effective, reduces traffic congestion, and lowers pollution levels. It also promotes social interaction, as people from different backgrounds share the same space during their journeys. *(Phương tiện công cộng tiết kiệm chi phí, giảm ùn tắc giao thông và giảm mức độ ô nhiễm. Nó cũng thúc đẩy sự giao lưu xã hội, khi những người từ nhiều hoàn cảnh khác nhau cùng chia sẻ không gian trong chuyến đi.)*

**3. Do you think self-driving cars will become common in the future?** *(Bạn có nghĩ xe tự lái sẽ phổ biến trong tương lai không?)*

Sample answer:

I believe they will, especially in developed countries, because technology is advancing rapidly. Self-driving cars could improve road safety and convenience, but they might also face challenges related to laws, ethics, and infrastructure. *(Tôi tin rằng chúng sẽ phổ biến, đặc biệt ở các nước phát triển, vì công nghệ đang tiến bộ nhanh chóng. Xe tự lái có thể cải thiện an toàn và sự tiện lợi, nhưng cũng có thể gặp thách thức liên quan đến luật pháp, đạo đức và cơ sở hạ tầng.)*

## **Chủ đề 32: Media & Communication (Truyền thông & Giao tiếp)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. How do you usually get news?** *(Bạn thường cập nhật tin tức bằng cách nào?)*

Sample answer:

I usually get news online, mostly through news websites and social media platforms. This way, I can access information instantly and from multiple sources, which helps me verify its accuracy. *(Tôi thường cập nhật tin tức trực tuyến, chủ yếu qua các trang web tin tức và các*

*nền tảng mạng xã hội. Cách này giúp tôi tiếp cận thông tin ngay lập tức và từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó kiểm chứng được độ chính xác.)*

**2. Do you prefer reading news online or in print? (Bạn thích đọc tin tức trực tuyến hay trên báo giấy hơn?)**

Sample answer:

I prefer reading news online because it's more convenient and eco-friendly. I can read on my phone wherever I am, and it doesn't contribute to paper waste. *(Tôi thích đọc tin tức trực tuyến vì nó tiện lợi và thân thiện với môi trường hơn. Tôi có thể đọc trên điện thoại ở bất cứ đâu và không gây ra rác thải giấy.)*

**3. How important is communication in your daily life? (Giao tiếp quan trọng thế nào trong cuộc sống hàng ngày của bạn?)**

Sample answer:

Communication is vital because it helps me maintain relationships, exchange ideas, and solve problems effectively. Without it, misunderstandings could easily arise. *(Giao tiếp rất quan trọng vì nó giúp tôi duy trì các mối quan hệ, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề hiệu quả. Nếu không có nó, những hiểu lầm sẽ dễ dàng nảy sinh.)*

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a time when you received important news. You should say: *(Hãy mô tả một lần bạn nhận được tin tức quan trọng. Bạn nên nói)*

- What the news was *(Tin tức đó là gì)*
- How you received it *(Bạn nhận tin đó như thế nào)*
- Who told you the news *(Ai đã báo tin cho bạn)*
- And explain why it was important to you *(Và giải thích tại sao nó quan trọng với bạn)*

Sample answer:

One of the most memorable pieces of news I've ever received was when I was offered a scholarship to study abroad. I remember getting an email notification while I was on the bus, and my heart skipped a beat. At first, I thought it might just be an automated message, but when I opened it, I saw the official letter of acceptance. I was over the moon, and I immediately called my parents to share the good news. It was a life-changing moment because it opened the door to new opportunities and experiences I had always dreamed of.

As the saying goes, it felt like “a dream come true,” and that single email changed the trajectory of my life forever.

*(Một trong những tin tức đáng nhớ nhất mà tôi từng nhận được là khi tôi được trao học bổng du học. Tôi nhớ mình nhận được thông báo email khi đang ở trên xe buýt, và tim tôi như ngừng đập. Ban đầu tôi nghĩ đó chỉ là một tin nhắn tự động, nhưng khi mở ra, tôi thấy thư báo trúng tuyển chính thức. Tôi đã vô cùng hạnh phúc và lập tức gọi cho bố mẹ để chia sẻ tin vui. Đây là khoảnh khắc thay đổi cuộc đời tôi vì nó mở ra cánh cửa cho những cơ hội và trải nghiệm mà tôi luôn mơ ước. Như câu nói “giấc mơ thành hiện thực”, chỉ một email đó đã thay đổi hướng đi của cuộc đời tôi mãi mãi.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How has the way people communicate changed in recent years? (Cách con người giao tiếp đã thay đổi thế nào trong những năm gần đây?)**

Sample answer:

Communication has become faster and more convenient due to smartphones and the internet. People can now connect instantly through messaging apps, video calls, and social media, regardless of distance. *(Giao tiếp đã trở nên nhanh hơn và tiện lợi hơn nhờ điện thoại thông minh và internet. Giờ đây, mọi người có thể kết nối ngay lập tức qua các ứng dụng nhắn tin, cuộc gọi video và mạng xã hội, bất kể khoảng cách.)*

**2. What are the disadvantages of modern communication? (Những bất lợi của giao tiếp hiện đại là gì?)**

Sample answer:

One major drawback is that it can lead to superficial connections, as people might rely too much on texting instead of meeting face-to-face. This can weaken the depth and quality of relationships. *(Một nhược điểm lớn là nó có thể dẫn đến các mối quan hệ hời hợt, vì mọi người có thể quá phụ thuộc vào nhắn tin thay vì gặp mặt trực tiếp. Điều này có thể làm giảm chiều sâu và chất lượng của các mối quan hệ.)*

**3. Do you think traditional media will disappear in the future? (Bạn có nghĩ các phương tiện truyền thông truyền thống sẽ biến mất trong tương lai không?)**

Sample answer:

I don't think they will disappear completely, but they might become less dominant. While digital media is on the rise, traditional media like newspapers and radio still have loyal

audiences, especially among older generations. *(Tôi không nghĩ chúng sẽ biến mất hoàn toàn, nhưng có thể sẽ ít phổ biến hơn. Dù truyền thông kỹ thuật số đang phát triển, các phương tiện truyền thống như báo in và radio vẫn có lượng khán giả trung thành, đặc biệt là ở những thế hệ lớn tuổi.)*

## **Chủ đề 33: Crime & Punishment (Tội phạm & Hình phạt)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Is crime a big problem in your country? (Tội phạm có phải là vấn đề lớn ở đất nước bạn không?)**

Sample answer:

Crime exists in my country, but it's not as rampant as in some other nations. Most areas are generally safe, though petty crimes like pickpocketing can still occur in crowded places. *(Tội phạm tồn tại ở đất nước tôi, nhưng không phổ biến như ở một số quốc gia khác. Hầu hết các khu vực đều khá an toàn, tuy nhiên các tội nhẹ như móc túi vẫn có thể xảy ra ở những nơi đông người.)*

**2. What types of crime are most common where you live? (Những loại tội phạm nào phổ biến nhất nơi bạn sống?)**

Sample answer:

The most common crimes are minor theft and traffic violations. Serious crimes like armed robbery or violent assault are relatively rare. *(Các tội phổ biến nhất là trộm cắp nhỏ và vi phạm giao thông. Các tội nghiêm trọng như cướp có vũ trang hoặc tấn công bạo lực khá hiếm.)*

**3. Do you feel safe walking alone at night? (Bạn có cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban đêm không?)**

Sample answer:

In most parts of my city, yes, I do. However, like anywhere else, it's better to be cautious and avoid poorly lit areas late at night. *(Ở hầu hết các khu vực trong thành phố, có. Tuy nhiên, cũng như bất kỳ nơi nào khác, tốt hơn là nên cẩn thận và tránh những khu vực thiếu ánh sáng vào đêm muộn.)*

### **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a time when you saw or heard about a crime. You should say: *(Hãy mô tả một lần bạn chứng kiến hoặc nghe nói về một vụ phạm tội. Bạn nên nói:)*

- When it happened *(Khi nào chuyện đó xảy ra)*
- What the crime was *(Đó là tội gì)*
- How you found out about it *(Bạn biết về nó như thế nào)*
- And explain how you felt about it *(Và giải thích cảm xúc của bạn về nó)*

Sample answer:

A few years ago, I witnessed a pickpocketing incident at a busy bus station. I was waiting for my bus when I saw a man discreetly slip his hand into a woman's bag and take her wallet. At first, I thought my eyes were playing tricks on me, but then the woman suddenly realized her wallet was missing and started shouting. A few people nearby chased the thief, and fortunately, they managed to catch him. The whole scene unfolded so quickly that it felt like something out of a crime drama. I remember thinking, "You never know what's around the corner," and it made me more vigilant in public places. It was both shocking and eye-opening, reminding me that even in seemingly safe environments, crime can strike unexpectedly.

*(Vài năm trước, tôi đã chứng kiến một vụ móc túi tại một bến xe buýt đông đúc. Tôi đang chờ xe thì thấy một người đàn ông lén lút thò tay vào túi xách của một phụ nữ và lấy ví của cô ấy. Ban đầu tôi nghĩ mình nhìn nhầm, nhưng rồi người phụ nữ chợt nhận ra ví bị mất và bắt đầu hét lên. Một vài người gần đó đã đuổi theo tên trộm và may mắn là họ bắt được hắn. Toàn bộ sự việc diễn ra nhanh đến mức giống như trong một bộ phim hình sự. Tôi nhớ đã nghĩ rằng "Bạn không bao giờ biết điều gì đang chờ ở góc phố tiếp theo", và điều đó khiến tôi cảnh giác hơn ở nơi công cộng. Đây vừa là một cú sốc vừa là một trải nghiệm mở mang, nhắc tôi rằng ngay cả ở những nơi tưởng chừng an toàn, tội phạm vẫn có thể xảy ra bất ngờ.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Why do some people commit crimes? (Tại sao một số người lại phạm tội?)**

Sample answer:

Some people commit crimes due to financial hardship, lack of education, or negative social influences. Others might be driven by greed, anger, or even a thrill-seeking mentality. *(Một số người phạm tội vì khó khăn tài chính, thiếu giáo dục hoặc ảnh hưởng xấu từ xã hội.*

*Những người khác có thể bị thúc đẩy bởi lòng tham, sự tức giận hoặc thậm chí là tâm lý tìm kiếm cảm giác mạnh.)*

**2. Do you think the death penalty is necessary? (Bạn có nghĩ án tử hình là cần thiết không?)**

Sample answer:

It's a controversial issue. Some argue it's a deterrent for serious crimes, while others believe it's inhumane and irreversible if a mistake is made. Personally, I think life imprisonment can be a more balanced option. *(Đây là một vấn đề gây tranh cãi. Một số người cho rằng nó là biện pháp răn đe cho các tội nghiêm trọng, trong khi những người khác tin rằng nó vô nhân đạo và không thể đảo ngược nếu có sai sót. Cá nhân tôi nghĩ tù chung thân có thể là lựa chọn cân bằng hơn.)*

**3. How can governments reduce crime rates? (Chính phủ có thể giảm tỷ lệ tội phạm bằng cách nào?)**

Sample answer:

Governments can invest in education, create more job opportunities, and strengthen community policing. Addressing the root causes of crime is often more effective than just increasing punishment. *(Chính phủ có thể đầu tư vào giáo dục, tạo thêm cơ hội việc làm và tăng cường cảnh sát cộng đồng. Giải quyết nguyên nhân gốc rễ của tội phạm thường hiệu quả hơn là chỉ tăng hình phạt.)*

## **Chủ đề 34: History & Heritage (Lịch sử & Di sản)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

**1. Do you enjoy learning about history? (Bạn có thích tìm hiểu về lịch sử không?)**

Sample answer:

I absolutely do. Learning about history gives me a deeper understanding of how societies have evolved over time and why certain traditions exist today. It's like having a window into the past that shapes our present and future. *(Tôi rất thích. Việc tìm hiểu về lịch sử giúp tôi hiểu rõ hơn về cách mà các xã hội đã phát triển qua thời gian và lý do tại sao một số truyền thống vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Nó giống như có một khung cửa sổ nhìn vào quá khứ, từ đó định hình hiện tại và tương lai của chúng ta.)*

**2. What period of history interests you the most?** (*Thời kỳ lịch sử nào khiến bạn hứng thú nhất?*)

Sample answer:

I'm particularly fascinated by the 20th century, especially the post-war era. That period was full of significant changes, socially, politically, and technologically, which transformed the way people lived across the globe. (*Tôi đặc biệt hứng thú với thế kỷ 20, nhất là giai đoạn sau chiến tranh. Thời kỳ này chứa đựng rất nhiều thay đổi lớn về mặt xã hội, chính trị và công nghệ, làm thay đổi hoàn toàn cách con người sinh sống trên toàn thế giới.*)

**3. Did you learn much history at school?** (*Bạn có học nhiều lịch sử ở trường không?*)

Sample answer:

Yes, we had history as a compulsory subject throughout middle and high school. However, I think the curriculum focused too heavily on memorizing dates rather than encouraging us to think critically about historical events. (*Vâng, chúng tôi học lịch sử như một môn bắt buộc suốt cấp 2 và cấp 3. Tuy nhiên, tôi nghĩ chương trình học quá chú trọng vào việc ghi nhớ các mốc thời gian thay vì khuyến khích chúng tôi suy nghĩ phản biện về các sự kiện lịch sử.*)

## **PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

**Describe a historical place you have visited. You should say:** (*Miêu tả một địa điểm lịch sử mà bạn đã từng đến. Bạn nên nói:*)

- Where it is (*Nó ở đâu*)
- What it looks like (*Trông nó như thế nào*)
- What you learned there (*Bạn đã học được gì ở đó*)
- And explain how you felt about this place (*Và giải thích cảm nhận của bạn về nơi này*)

Sample answer:

I'd like to talk about the Imperial City of Huế, which is located in central Vietnam. It's a UNESCO World Heritage Site and used to be the political and cultural center of the Nguyen Dynasty for over a century. The complex is surrounded by massive stone walls and features palaces, temples, and gardens that reflect traditional Vietnamese architecture.

When I visited, I was struck by the sense of stepping back in time. Walking through the ancient courtyards, I could almost hear the echoes of history—imagining royal ceremonies

and the bustling life inside the citadel. It was truly a feast for the eyes, with intricate carvings and vibrant colors that have stood the test of time.

One idiom that perfectly describes my experience is “a blast from the past” because being there felt like reliving an era I had only read about in textbooks. I also learned a lot about the Nguyen emperors, their governance, and the cultural values they upheld. The trip deepened my appreciation for how history shapes national identity.

*(Tôi muốn nói về Kinh thành Huế, nằm ở miền Trung Việt Nam. Đây là Di sản Thế giới được UNESCO công nhận và từng là trung tâm chính trị, văn hóa của triều Nguyễn trong hơn một thế kỷ. Quần thể này được bao quanh bởi những bức tường đá kiên cố và có nhiều cung điện, đền chùa, và vườn tược phản ánh kiến trúc truyền thống Việt Nam.*

*Khi tôi đến thăm, tôi thực sự có cảm giác như quay ngược thời gian. Đi qua những sân trong cổ kính, tôi gần như có thể nghe thấy tiếng vang của lịch sử—hình dung ra các nghi lễ hoàng gia và cuộc sống nhộn nhịp bên trong hoàng thành. Đó thực sự là một bữa tiệc thị giác, với những hoa văn chạm khắc tinh xảo và màu sắc rực rỡ vẫn tồn tại qua nhiều thế kỷ.*

*Một thành ngữ miêu tả hoàn hảo trải nghiệm của tôi là “a blast from the past” vì ở đó tôi cảm giác như được sống lại trong một thời kỳ mà trước đây tôi chỉ đọc trong sách giáo khoa. Tôi cũng học được nhiều điều về các vị vua triều Nguyễn, cách họ trị vì, và những giá trị văn hóa mà họ gìn giữ. Chuyến đi này giúp tôi thêm trân trọng cách mà lịch sử định hình bản sắc dân tộc.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. How important is it to preserve historical sites?** *(Việc bảo tồn các di tích lịch sử quan trọng đến mức nào?)*

Sample answer:

It's extremely important because historical sites serve as tangible links to our past. They not only provide educational value but also foster cultural pride and identity. Without preservation, future generations would lose a direct connection to their heritage. *(Nó vô cùng quan trọng vì các di tích lịch sử là những sợi dây kết nối hữu hình với quá khứ. Chúng không chỉ mang lại giá trị giáo dục mà còn nuôi dưỡng niềm tự hào và bản sắc văn hóa. Nếu không bảo tồn, các thế hệ tương lai sẽ mất đi sự kết nối trực tiếp với di sản của mình.)*

**2. Do you think history is best learned from books or by visiting places?** *(Bạn nghĩ lịch sử được học tốt nhất từ sách hay từ việc tham quan thực tế?)*

Sample answer:

I think both methods complement each other. Books provide context and detailed analysis, while visiting historical places offers a more immersive and emotional experience that brings history to life. *(Tôi nghĩ cả hai phương pháp bổ sung cho nhau. Sách cung cấp bối cảnh và phân tích chi tiết, trong khi việc đến thăm các địa điểm lịch sử mang lại trải nghiệm sâu sắc và cảm xúc, giúp lịch sử trở nên sống động hơn.)*

**3. Should children be taught more local history or world history?** *(Trẻ em nên được học nhiều hơn về lịch sử địa phương hay lịch sử thế giới?)*

Sample answer:

Ideally, both should be emphasized. Local history fosters a sense of belonging and identity, while world history broadens students' perspectives and understanding of global interconnections. *(Lý tưởng nhất là cả hai nên được chú trọng. Lịch sử địa phương nuôi dưỡng cảm giác gắn bó và bản sắc, trong khi lịch sử thế giới mở rộng tầm nhìn và hiểu biết về sự kết nối toàn cầu.)*

## **Chủ đề 35: Famous People (Những người nổi tiếng)**

### **PART 1: Introduction & Interview (Giới thiệu và phỏng vấn)**

#### **Part 1 – Introduction**

**1. Who is your favorite famous person?** *(Người nổi tiếng bạn yêu thích nhất là ai?)*

Sample answer:

My favorite famous person is Emma Watson, an actress and activist known for her role as Hermione in the Harry Potter series and her work with the United Nations. I admire her not only for her acting talent but also for her intelligence, humility, and commitment to gender equality. *(Người nổi tiếng tôi yêu thích nhất là Emma Watson, một diễn viên và nhà hoạt động nổi tiếng với vai Hermione trong loạt phim Harry Potter và công việc của cô với Liên Hợp Quốc. Tôi ngưỡng mộ cô không chỉ vì tài năng diễn xuất mà còn vì trí tuệ, sự khiêm tốn và cam kết đối với bình đẳng giới.)*

**2. Do you think it's good to be famous?** *(Bạn có nghĩ rằng trở nên nổi tiếng là điều tốt không?)*

Sample answer:

Being famous has both advantages and disadvantages. While it can bring wealth, influence, and opportunities, it also comes with the loss of privacy and constant public scrutiny, which can be mentally exhausting. *(Trở nên nổi tiếng có cả ưu và nhược điểm. Dù nó có thể mang lại sự giàu có, tầm ảnh hưởng và nhiều cơ hội, nhưng cũng đi kèm với việc mất quyền riêng tư và luôn bị công chúng soi xét, điều này có thể khiến tinh thần mệt mỏi.)*

**3. Would you like to be a celebrity? (Bạn có muốn trở thành người nổi tiếng không?)**

Sample answer:

I would prefer to be recognized for my work rather than being a celebrity in the traditional sense. Fame can be rewarding, but I value personal freedom and privacy more. *(Tôi muốn được công nhận vì công việc của mình hơn là trở thành một người nổi tiếng theo nghĩa truyền thống. Sự nổi tiếng có thể đem lại nhiều điều tốt đẹp, nhưng tôi coi trọng tự do cá nhân và quyền riêng tư hơn.)*

**PART 2: Long Turn - Individual Talk (Nói một mình)**

Describe a famous person you admire. You should say: *(Mô tả một người nổi tiếng mà bạn ngưỡng mộ. Bạn nên nói:)*

- Who this person is *(Người này là ai)*
- What they are famous for *(Họ nổi tiếng vì điều gì)*
- What kind of person they are *(Họ là người như thế nào)*
- And explain why you admire them *(Và giải thích tại sao bạn ngưỡng mộ họ)*

Sample answer:

I'd like to talk about Sir David Attenborough, a world-renowned broadcaster and natural historian. He is famous for his documentaries about the natural world, such as *Planet Earth* and *Blue Planet*, which have inspired millions of viewers worldwide. What strikes me the most about him is his unwavering passion for nature and his ability to communicate complex environmental issues in a way that's both engaging and easy to understand.

He comes across as incredibly humble despite his global fame, and he uses his influence to raise awareness about climate change and conservation. I particularly admire how, even in his 90s, he's still actively working and travelling to film new documentaries. To me, he's the embodiment of the saying "follow your passion", dedicating a lifetime to something you love and making a difference while doing it.

*(Tôi muốn nói về Sir David Attenborough, một nhà phát thanh và nhà tự nhiên học nổi tiếng thế giới. Ông nổi tiếng với các bộ phim tài liệu về thế giới tự nhiên, như Planet Earth và Blue Planet, đã truyền cảm hứng cho hàng triệu người xem trên khắp thế giới. Điều khiến tôi ấn tượng nhất về ông là niềm đam mê bền bỉ với thiên nhiên và khả năng truyền đạt những vấn đề môi trường phức tạp theo cách vừa cuốn hút vừa dễ hiểu.*

*Ông toát lên vẻ khiêm tốn đáng kinh ngạc dù nổi tiếng toàn cầu, và ông sử dụng tầm ảnh hưởng của mình để nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và bảo tồn. Tôi đặc biệt ngưỡng mộ việc ông vẫn tiếp tục làm việc và đi quay phim ở độ tuổi ngoài 90. Với tôi, ông chính là hiện thân của câu nói “theo đuổi đam mê”, dành trọn cuộc đời cho điều mình yêu và tạo ra sự thay đổi khi làm điều đó.)*

### **PART 3: Discussion (Thảo luận)**

**1. Do you think famous people have a responsibility to be role models? (Bạn có nghĩ rằng người nổi tiếng có trách nhiệm làm hình mẫu không?)**

Sample answer:

Yes, to a certain extent. Since they have a significant influence on the public, especially young people, they should be aware of their actions and words. However, we should also remember that celebrities are human beings with flaws, and expecting perfection from them is unrealistic. *(Có, ở một mức độ nhất định. Vì họ có ảnh hưởng lớn đến công chúng, đặc biệt là giới trẻ, họ nên ý thức được hành động và lời nói của mình. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên nhớ rằng người nổi tiếng cũng là con người với những khuyết điểm, và việc mong đợi sự hoàn hảo từ họ là không thực tế.)*

**2. How does the media influence our perception of celebrities? (Truyền thông ảnh hưởng thế nào đến cách chúng ta nhìn nhận người nổi tiếng?)**

Sample answer:

The media can shape public opinion significantly, often portraying celebrities in either an overly positive or negative light. This can distort reality, as we rarely get to see the full picture of their lives. *(Truyền thông có thể định hình mạnh mẽ dư luận, thường miêu tả người nổi tiếng theo cách quá tích cực hoặc tiêu cực. Điều này có thể bóp méo thực tế, vì chúng ta hiếm khi thấy được toàn bộ bức tranh về cuộc sống của họ.)*

**3. Do you think social media has changed the way people become famous? (Bạn có nghĩ mạng xã hội đã thay đổi cách mọi người trở nên nổi tiếng không?)**

Sample answer:

Absolutely. Social media platforms like Instagram, TikTok, and YouTube have created opportunities for ordinary people to gain fame without traditional gatekeepers. While this democratizes fame, it also means that popularity can be short-lived. *(Chắc chắn. Các nền tảng mạng xã hội như Instagram, TikTok và YouTube đã tạo cơ hội cho những người bình thường trở nên nổi tiếng mà không cần qua các kênh truyền thống. Tuy việc này dân chủ hóa sự nổi tiếng, nhưng cũng đồng nghĩa với việc danh tiếng có thể chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.)*